

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04



SÔNG ĐÀ 7.04

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 02 năm 2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Đăng ký Niêm yết số ~~33~~GDCK - GCN Hà Nội - GCN cấp ngày ~~22~~ tháng ~~06~~ năm 2009)

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS



Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại các địa điểm sau từ ngày: / /2009:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

Trụ sở chính: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Điện thoại: (0223) 830 990

Fax: (0223) 830 989

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3772 6868

Website: www.kls.vn

Fax: (84.4) 3772 6131

Phụ trách công bố thông tin:

Ông: Ngô Quốc Thế

Chức vụ: Kế toán trưởng

Điện thoại: 0915159884

Fax: (0223) 830 989

Sơn La, tháng 04 năm 2009



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04

*(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp
26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02 tháng 02 năm 2009)*

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

- | | |
|---|--|
| 1. Tên cổ phiếu: | CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04 |
| 2. Loại cổ phiếu: | Cổ phiếu phổ thông |
| 3. Mệnh giá: | 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu |
| 4. Tổng số lượng cổ phiếu niêm yết: | 4.000.000 (Bốn triệu) cổ phiếu |
| 5. Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: | 40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ) đồng |

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 1990 Fax: (84-4) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn/

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG - KLS

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3 772 6868 Fax: (84.4) 3 772 6131

Website: www.kls.vn

*Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103013382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp
ngày 01 tháng 08 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 06 tháng 09 năm 2006.*



MỤC LỤC

	<i>Trang số</i>
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro về mặt luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù trong hoạt động kinh doanh.....	7
4. Rủi ro việc niêm yết cổ phiếu	7
5. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức niêm yết.....	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III. CÁC KHÁI NIỆM	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	11
2. Cơ cấu tổ chức Sông đà 7.04	13
3. Bộ máy quản lý	14
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông.....	19
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	21
6. Hoạt động kinh doanh.....	21
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	33
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	34
9. Chính sách đối với người lao động	36
10. Tình hình hoạt động tài chính	40
11. Sơ yếu lý lịch các thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban giám đốc, kế toán trưởng	45
12. Tài sản.....	56
13. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	57
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận - cổ tức	64
15. Thông tin có liên quan về những cam kết chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	64
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán.....	64
V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT.....	65



1.	Tên cổ phiếu.....	65
2.	Loại chứng khoán.....	65
3.	Mệnh giá	65
4.	Tổng số lượng đăng ký niêm yết.....	65
5.	Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá	65
6.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của Công ty	65
7.	Phương pháp tính giá	67
8.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	68
9.	Các loại thuế có liên quan	68
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	69
1.	Tổ chức tư vấn	69
2.	Tổ chức kiểm toán.....	69
VII.	PHỤ LỤC.....	69



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sau một giai đoạn phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm khá cao ở mức 7% - 8%/năm, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua năm 2008 với nhiều thách thức khó khăn. Trong 09 tháng đầu năm 2008, nền kinh tế trải qua tình trạng lạm phát liên tục tăng cao xuất phát từ nguồn vốn nước ngoài ồ ạt đổ vào và tăng trưởng tín dụng quá nóng. Để kiềm chế lạm phát, chính phủ đã thực thi chính sách tiền tệ thắt chặt, thắt chặt đầu tư công Sau giai đoạn đối phó với lạm phát, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới.

Để hạn chế những ảnh hưởng từ rủi ro về kinh tế, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 luôn cập nhật và theo dõi sát sao các diễn biến của thị trường trong nước và thế giới để đảm bảo phản ứng linh hoạt và kịp thời trước các tình huống bất lợi có thể xảy ra.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 (*Sông Đà 7.04*) được thành lập trong giai đoạn kinh tế toàn cầu diễn ra khủng hoảng tài chính nghiêm trọng và có dấu hiệu đi vào suy thoái kinh tế, các nền kinh tế phát triển mạnh liên tục dự báo giảm mức độ tăng trưởng kinh tế trong các năm tiếp theo. Kinh tế Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng, tác động rất nhiều bởi tình hình chung của kinh tế thế giới, điều này đã buộc Chính phủ đặt mức tăng trưởng kinh tế giảm xuống khá nhiều so với những năm trước. Với mức tăng trưởng kinh tế trong nước bị giảm xuống thì tương ứng các ngành, các lĩnh vực hoạt động trong nền kinh tế cũng gặp rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng, tác động trực tiếp tới các doanh nghiệp trong từng ngành, từng lĩnh vực. Như vậy, tốc độ tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng, thay đổi rất lớn tới quy mô sản xuất, khả năng tăng trưởng, phát triển của ngành sản xuất vật liệu nói chung cũng như Sông Đà 7.04 nói riêng.

Lạm phát

Những số liệu được công bố cho biết, trong các năm từ 2005 đến 2008, lạm phát danh nghĩa tương ứng cho các năm là 2005: 8,4%, 2006: 6,6%, 2007: 12,6%, và đặc biệt tăng cao trong năm 2008: 19,9%¹. Trước những tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, lạm phát Việt Nam sụt giảm dần nhưng hiện tại vẫn ở trên mức hai con số. Lạm phát cao kéo theo với chi phí sản xuất tăng cao, gây ảnh hưởng không nhỏ đến việc hoạch định kế hoạch kinh doanh của Sông Đà 7.04 trong thời gian tới.

Lãi suất

Tại thời điểm 31/12/2008, vốn vay của Sông Đà 7.04 chỉ bằng khoảng 14,13% vốn chủ sở hữu, trong

¹ Nguồn: <http://www.gso.gov.vn> - Website Tổng cục thống kê



đó khoảng 68% là vốn vay dài hạn, 32% là vốn vay ngắn hạn. Do đặc thù của ngành sản xuất vật liệu xây dựng cung cấp cho các công trình xây dựng, công trình hạ tầng, đô thị đòi hỏi phải có lượng vốn lưu động lớn, tốc độ quay vòng vốn cao vì vậy mà tỷ lệ vốn vay không được quá cao so với vốn chủ sở hữu. Như vậy, tỷ lệ này của Công ty là đang ở mức tốt so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Rủi ro lãi suất có thể xảy ra khi lãi suất tăng biến động bất thường. Lãi suất tăng cao sẽ làm gia tăng chi phí tài chính và gây ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty. Tuy nhiên, với hệ số nợ vay/ vốn chủ sở hữu khá ổn định và ở mức tương đối thấp nên những tác động từ những biến động bất thường của lãi suất sẽ không là rủi ro lớn đối với hoạt động của Sông Đà 7.04.

Tỷ giá hối đoái

Rủi ro về tỷ giá có thể xảy ra do dòng tiền của các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu bằng VNĐ nhưng khi thanh toán nhập khẩu các doanh nghiệp phải chuyển đổi từ VNĐ sang ngoại tệ và ngược lại. Doanh nghiệp xuất khẩu sẽ gặp rủi ro nếu ngoại tệ nhận về giảm giá so với VNĐ và doanh nghiệp nhập khẩu bị thiệt hại nếu ngoại tệ họ cần mua để thanh toán tăng giá so với VNĐ.

Hiện nay, hoạt động xuất nhập khẩu sản phẩm của Sông Đà 7.04 chiếm tỷ trọng rất nhỏ so với hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Các nguyên vật liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nguyên liệu trong nước chỉ có một số ít máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế như máy xúc, phụ tùng dây chuyền nghiền đá là được nhập khẩu từ nước ngoài. Hơn nữa, những sản phẩm này được Công ty nhập khẩu với số lượng nhỏ và không thường xuyên do đó sự biến động về tỷ giá sẽ có ảnh hưởng không đáng kể tới hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như sự tăng trưởng và phát triển của Công ty cả trong ngắn hạn và trong dài hạn.

2. RỦI RO VỀ MẶT LUẬT PHÁP

Là công ty cổ phần được thành lập từ một Xí nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 7, trở thành công ty đại chúng và tiến hành niêm yết trên thị trường chứng khoán tập trung, mọi hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 đều chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp 2005, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cũng như các doanh nghiệp khác được thành lập, hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 cần có thời gian để tiếp cận và tiến hành quản lý doanh nghiệp theo tất cả các quy định Pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, ... đang còn thiếu tính đồng bộ, nhất quán và thường xuyên sửa đổi, bổ sung. Do vậy, việc nắm bắt và thực thi của các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.



3. RỦI RO ĐẶC THÙ TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng không những đòi hỏi dây chuyền sản xuất phải hiện đại, đồng bộ, sản xuất sản phẩm liên tục mà Doanh nghiệp còn phải đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ổn định, thị trường tiêu thụ sản phẩm đảm bảo tiêu thụ hết những sản phẩm sản xuất ra. Với tình hình kinh tế như hiện nay cũng như sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trong ngành, Công ty sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn để giữ vững được thị phần cũng như khẳng định năng lực sản xuất, tài chính của mình.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và cung ứng các loại vật liệu xây dựng phục vụ cho công tác thi công các hạng mục tại các công trình thủy điện lớn của đất nước như: thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Sơn La. Vì vậy, những rủi ro xuất phát từ tổ chức thi công tại các công trình này có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty, cụ thể như:

- Các công trình thủy lợi, thủy điện thi công chủ yếu tại các vùng miền núi, vùng sâu vùng xa nên các điều kiện thi công và cuộc sống của người lao động gặp không ít khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro về điều kiện kinh tế xã hội của vùng dự án;
- Các điều kiện về kỹ thuật thi công được chủ đầu tư áp dụng tại các dự án thủy điện là rất khắc khe, đòi hỏi các quy trình từ thi công đến nghiệm thu rất nghiêm ngặt. Do đó, ở đây cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thêm nữa là giá cả các yếu tố đầu vào của ngành sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, cát, đá hộc thường xuyên biến động theo xu hướng tăng, đặc biệt là khi nền kinh tế đang trong giai đoạn lạm phát cao. Trong khi đó, nguồn tài nguyên thiên nhiên để khai thác phục vụ sản xuất ngày càng khan hiếm. Các lý do này đã làm chi phí đầu vào cho hoạt động tăng cao và gây ảnh hưởng nhất định đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong ngành, khẳng định được vị thế của Công ty khi tham gia các công trình trọng điểm quốc gia, tạo được uy tín đối với các đối tác, chủ đầu tư, bên cạnh đó Công ty còn được sự hỗ trợ rất lớn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 7 và Tổng công ty Sông Đà nên việc đảm bảo được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận là khả thi.

4. RỦI RO VIỆC NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

Việc niêm yết cổ phiếu Sông Đà 7.04 trên thị trường chứng khoán tập trung sẽ đem lại những lợi ích cho Công ty và các cổ đông. Sau khi niêm yết, Công ty có thể quảng bá hình ảnh, thương hiệu cũng như uy tín của mình; tăng cường tính thanh khoản của cổ phiếu; tạo điều kiện cho Công ty tiếp cận thêm nguồn vốn dài hạn thông qua Thị trường Chứng khoán; hướng đến việc chuẩn hóa minh bạch hơn trong công tác quản trị, điều hành theo mô hình quản trị công ty hiện đại.

Tuy nhiên, những biến động giá cả cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là khó tránh khỏi. Trên thực tế giá chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố như cung - cầu cổ phiếu; tình



hình kinh tế - xã hội; sự thay đổi về chính sách kinh tế, các quy định pháp luật về chứng khoán; tâm lý của nhà đầu tư... Sự biến động của giá cổ phiếu có thể gây ảnh hưởng đến thương hiệu, giá trị của Công ty.

5. RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn... luôn là những rủi ro tiềm ẩn tác động trực tiếp đến tiến độ sản xuất của Công ty. Những biến động này làm đình trệ sản xuất, giảm sản lượng và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Các đại diện:

Ông	Nguyễn Khắc Tiến	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông	Nguyễn Hữu Doanh	Chức vụ:	Giám đốc
Ông	Nguyễn Văn Cường	Chức vụ:	Phó Giám đốc
Ông	Ngô Quốc Thế	Chức vụ:	Kế toán trưởng
Ông	Nguyễn Tuấn Anh	Chức vụ:	Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Đại diện theo pháp luật:

Ông	Hà Hoài Nam	Chức vụ:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
-----	--------------------	----------	-----------------------------------

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long (KLS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM

Việt Nam	:	Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam;
Công ty	:	Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
Sông Đà 7.04 hoặc SD 7.04	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
Cổ phiếu	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
CTCP	:	Công ty cổ phần
ĐKNY	:	Đăng ký Niêm yết;
KLS	:	Tên viết tắt của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kim Long;
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước;
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
TTLKCK	:	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán;
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	:	Hội đồng quản trị;
BGD	:	Ban Giám đốc;
BKS	:	Ban kiểm soát;
Thuế TNDN	:	Thuế thu nhập doanh nghiệp;
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên;
BCTC	:	Báo cáo Tài chính;
DTT	:	Doanh thu thuần;
TDTT	:	Tổng doanh thu thuần;
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế;
ĐVT	:	Đơn vị tính;
VNĐ	:	Đồng Việt Nam;
Giấy CNĐKKD	:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giới thiệu chung

Tên công ty	:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 7.04
Tên Tiếng Anh	:	Song Da 7.04 Joint Stock Company
Tên viết tắt tiếng Anh	:	SONGDA 7.04.,JSC
Trụ sở chính	:	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Điện thoại	:	(0223) 830 990
Fax	:	(0223) 830 989
Website	:	www.songda704.com.vn
Tài khoản số	:	4131 000000 0285 tại Phòng giao dịch Mường La – Chi nhánh Ngân hàng đầu tư và phát triển tỉnh Sơn La
Giấy CNĐKKD	:	Số 5500296523 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/02/2009
Mã số thuế	:	5500296523
Vốn điều lệ	:	40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ) đồng

Lĩnh vực hoạt động chính:

- Xây dựng các công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình thủy điện, bưu điện;
- Khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản với quyền chủ sở hữu, hoặc đi thuê;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng, vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;



- Đầu tư tài chính và đầu tư các dự án khác mà pháp luật cho phép;
- Đầu tư, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;
- Kinh doanh bán điện;
- Sản xuất và kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng;
- Kinh doanh dịch vụ khác sạn;
- Kinh doanh khu vui chơi giải trí.

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Năm 2003

Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 được thành lập và được giao nhiệm vụ sản xuất bê tông thương phẩm và sản xuất các loại đá dăm phục vụ thi công công trình thủy điện Tuyên Quang. Trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2006 đơn vị đã được đầu tư 01 trạm trộn bê tông công suất 120 m³/h, 02 trạm nghiền công suất 100.000 m³/năm; 250.000 m³/năm cùng nhiều xe máy thiết bị phục vụ khác và đơn vị đã vận hành sản xuất đáp ứng đầy đủ lượng cát, đá dăm và vữa bê tông thương phẩm theo yêu cầu tiến độ công trường đặt ra đảm bảo cho công trình thủy điện Tuyên Quang đi vào phát điện theo đúng kế hoạch mà chính phủ đề ra.

Với kinh nghiệm và uy tín đã có được khi tham gia phục vụ công tác cung cấp vật liệu cho công trình thủy điện Tuyên Quang, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 tiếp tục được giao nhiệm vụ sản xuất vữa bê tông thương phẩm và sản xuất cát, đá dăm các loại để phục vụ thi công công trình thủy điện Sơn La.

Năm 2006

Tháng 07/2006, thực hiện chủ trương nâng cao năng lực sản xuất, tập trung sắp xếp lại cơ cấu ngành nghề trong doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 7 quyết định sáp nhập hai đơn vị Xí nghiệp Sông Đà 7.04 và Xí nghiệp Sông Đà 7.06 thành một và lấy tên là Xí nghiệp Sông Đà 7.04.

Để đáp ứng nhiệm vụ mới được giao, Xí nghiệp Sông Đà 7.04 tiếp tục được đầu tư mới thêm 02 trạm nghiền có công suất 350.000 m³/năm, 650.000 m³/năm đồng thời cải tạo 02 dây chuyền cũ sản xuất sản phẩm mới là cát xay để phục vụ công tác thi công bê tông đầm lăn tại thủy điện Sơn La và đầu tư thêm 01 trạm trộn bê tông công suất 130 m³/h.





Năm 2007

Ngày 20 tháng 12 năm 2007, HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 7 có Quyết định số 22A QĐ/CT-HĐQT về việc giải thể Xí nghiệp Sông Đà 7.04 trực Công ty Cổ phần Sông Đà 7.

Cùng ngày 20 tháng 12 năm 2007, HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 7 có quyết định số 22CT/HĐQT về việc thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động ngày 26 tháng 12 năm 2007 với mức vốn điều lệ đăng ký là 40 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 24.03.000161 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp. Vốn thực góp tại thời điểm 26/12/2007 của Công ty là 24,1 tỷ đồng (*vốn góp của các cổ đông sáng lập Công ty*). Phần vốn điều lệ còn lại (15,9 tỷ đồng) do Cán bộ Công nhân viên của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 và Công ty Cổ phần Sông Đà 7 góp trong năm 2008. Tính đến thời điểm 31/12/2008, Vốn điều lệ của Công ty chính thức được ghi nhận là 40 tỷ đồng. Ngày 02/02/2009, Công ty thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được đổi từ số 24.03.000161 thành số 55.00.296523 (*trùng với mã số thuế của Công ty*), đồng thời vốn điều lệ thực góp của Công ty được thay đổi từ 24,1 tỷ đồng lên 40 tỷ đồng.

2. CƠ CẤU TỔ CHỨC SÔNG ĐÀ 7.04

Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia làm hai khối: Khối các phòng ban và khối các phân xưởng trực thuộc. Hai khối này thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể dưới sự điều hành của Giám đốc và các Phó Giám đốc phụ trách. Thành phần của hai khối cụ thể như sau:

Khối các phòng chức năng:

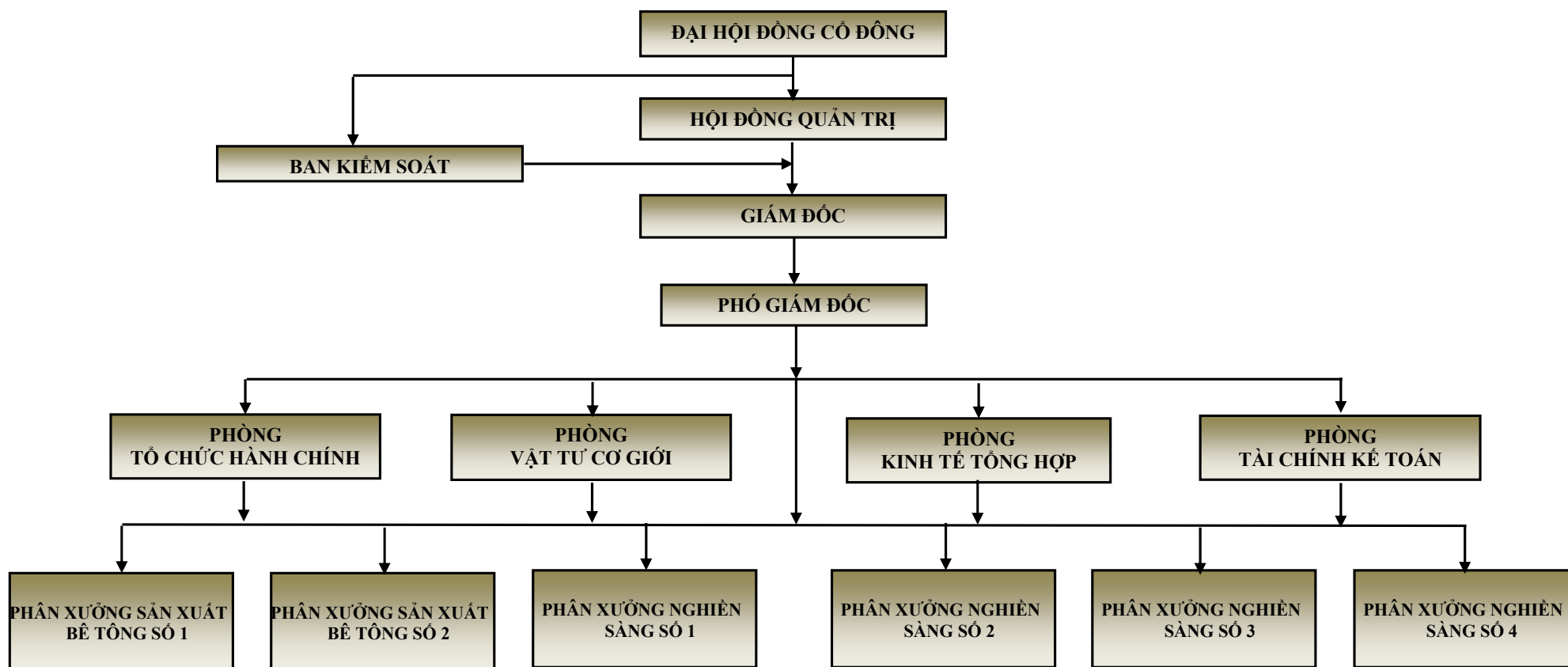
- Phòng Tổ chức Hành chính;
- Phòng Vật tư Cơ giới;
- Phòng Kinh tế Tổng hợp;
- Phòng Tài chính Kế toán.

Khối các chi nhánh trực thuộc:

- Phân xưởng Sản xuất bê tông số 1;
- Phân xưởng Sản xuất bê tông số 2;
- Phân xưởng Nghiền sàng số 1;
- Phân xưởng Nghiền sàng số 2;
- Phân xưởng Nghiền sàng số 3;
- Phân xưởng Nghiền sàng số 4;

3. BỘ MÁY QUẢN LÝ

3.1 Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04



Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Cơ sở của hoạt động quản trị và điều hành Công ty là Điều lệ tổ chức và hoạt động được ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị quyết số 02NQ/CT-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 02 năm 2009.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ:

- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của Ban kiểm soát và của HĐQT;
- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Giám đốc;
- Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ, thông qua định hướng phát triển của Công ty, quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT gồm 05 thành viên với nhiệm kỳ hoạt động 05 năm. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ, bao gồm:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các người quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;

- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên HĐQT:

1. Ông Nguyễn Khắc Tiến	Chủ tịch HĐQT
2. Ông Nguyễn Hữu Doanh	Ủy viên HĐQT
3. Bà Nguyễn Văn Cường	Ủy viên HĐQT
4. Ông Nguyễn Xuân Đức	Ủy viên HĐQT
5. Ông Nguyễn Thông Hoa	Ủy viên HĐQT

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên do ĐHCĐ bầu ra và bãi miễn nhiệm, có những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- Trình báo cáo thẩm định, báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT lên ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên;
- Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Danh sách các thành viên Ban kiểm soát:

1. Ông Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng BKS
2. Ông Nguyễn Anh Lam	Thành viên BKS
3. Ông Trần Văn Tài	Thành viên BKS

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, bao gồm 04 thành viên: 01 Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

Giám đốc là người quản lý, giám sát và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau :

- Quản lý và điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Công ty thuộc thẩm quyền của Giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế, dân sự và các loại hợp đồng khác phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty;
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh quản lý của Công ty mà không thuộc đối tượng do HĐQT bổ nhiệm;
- Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng người lao động theo quy định của HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định mức lương, phụ cấp (nếu có) cho người lao động trong Công ty;
- Đại diện Công ty trước pháp luật, đại diện Công ty trong các tranh chấp có liên quan đến Công ty;
- Các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Giúp việc cho Giám đốc có 03 Phó Giám đốc

Danh sách Ban Giám đốc:

- | | |
|-------------------------|--------------|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Doanh | Giám đốc |
| 2. Ông Nguyễn Văn Cường | Phó Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Xuân Đức | Phó Giám đốc |
| 4. Ông Phạm Đình Hùng | Phó Giám đốc |

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính có chức năng giúp việc cho HĐQT và Giám đốc điều hành trong công tác tổ chức, nhân sự, tổ chức sắp xếp, sử dụng, phát triển nguồn nhân lực; khen thưởng kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động; công tác đối ngoại, đối nội quản trị hành chính văn phòng và văn thư lưu trữ trong phạm vi toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác tổ chức;
- Công tác cán bộ và đào tạo;
- Công tác lao động và tiền lương;
- Công tác khen thưởng, kỷ luật;
- Công tác hành chính, bảo vệ, y tế.

PHÒNG VẬT TƯ CƠ GIỚI

Phòng Vật tư cơ giới có chức năng chính về công tác quản lý cơ giới, vật tư của Công ty đảm bảo khai thác sử dụng hiệu quả xe máy thiết bị và sử dụng vật tư tiết kiệm. Mua sắm và chịu trách nhiệm về mặt định mức tiêu hao nhiên liệu, quản lý bảo dưỡng kỹ thuật xe máy thiết bị thi công hiệu quả cao nhất. Tham mưu cho Giám đốc và trực tiếp phụ trách công tác vệ sinh an toàn và bảo

hộ lao động của Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Mua sắm vật tư, thiết bị cung cấp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, áp dụng các hình thức đấu thầu, chọn thầu đảm bảo mua được vật tư, máy móc thiết bị với chi phí thấp nhất, hiệu quả sử dụng cao nhất;
- Chịu trách nhiệm về chất lượng, giá cả công năng của các vật tư mua về;
- Theo dõi việc sử dụng vật tư đúng định mức, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả;
- Lập hồ sơ, lý lịch máy móc, thiết bị. Theo dõi việc bảo hành, bảo dưỡng, sửa chữa tiêu hao nhiên liệu của từng máy móc thiết bị;
- Là đầu mối quản lý toàn bộ hệ thống máy móc, vật tư, thiết bị phục vụ hoạt động SXKD của Công ty;
- Báo cáo định kỳ về việc mua sắm và sử dụng vật tư, thiết bị, tình trạng kỹ thuật hoạt động của từng xe máy, thiết bị;
- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho người lao động mới vào làm việc và theo định kỳ;
- Tổ chức, theo dõi cấp phát và sử dụng trang thiết bị, dụng cụ lao động và bảo hộ lao động đảm bảo sản xuất phải an toàn;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân cấp quản lý và theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

PHÒNG KINH TẾ TỔNG HỢP

Phòng Kinh tế tổng hợp có chức năng tham mưu, tư vấn giúp Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong các công tác: quản lý kinh tế; quản lý kế hoạch; đầu tư; tiếp thị, đấu thầu, thị trường; kỹ thuật phân xây lắp; thiết lập các kế hoạch sản xuất kinh doanh, các kế hoạch đầu tư dự án một cách hiệu quả và khả thi. Tổ chức khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế kinh doanh của Công ty, nghiên cứu thị trường, xây dựng chính sách bán hàng, phát triển mạng lưới thiêu thụ và chăm sóc khách hàng. Giám sát, nghiệm thu công trình thi công phân xây lắp đảm bảo đúng chất lượng và tiến độ theo đúng hồ sơ thiết kế. Xây dựng và ban hành định mức, đơn giá cho từng hạng mục công việc. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Công tác quản lý kinh tế đối với các công trình Công ty thi công;
- Công tác định mức, đơn giá tiền lương;
- Công tác hợp đồng kinh tế;
- Công tác hạch toán kinh doanh;
- Công tác kế hoạch;
- Công tác đầu tư;
- Công tác tiếp thị đấu thầu;
- Công tác quản lý kỹ thuật (*phần xây lắp*).

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Phòng Tài chính Kế toán có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT và Giám đốc về công tác tài chính kế toán, tín dụng, hạch toán kinh doanh trong toàn Công ty, điều tiết các nguồn lực tài chính, khai thác và sử dụng nguồn vốn hiệu quả nhằm mục tiêu phát triển chung toàn Công ty. Các nhiệm vụ chính bao gồm:

- Lập kế hoạch tài chính, huy động vốn, sử dụng phân phối vốn;
- Thu thập, phân loại và xử lý tổng hợp số liệu, thông tin về hoạt động SXKD;
- Phản ánh, ghi chép các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty một cách đầy đủ, trung thực và kịp thời;
- Phát hành một số chứng từ theo mẫu bắt buộc của Nhà nước như: Hóa đơn giá trị gia tăng, giấy nộp tiền vào ngân sách ...;
- Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán;
- Tổng hợp số liệu và lập các báo cáo kế toán theo quy định;
- Lập các báo cáo đột xuất thuộc lĩnh vực tài chính kế toán theo yêu cầu của Tổng công ty và lãnh đạo Công ty;
- Tổ chức đôn đốc công tác thu tiền bán hàng, quản lý và thu hồi công nợ;
- Phân tích, so sánh tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm.

4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẪM GIỮ TỪ TRÊN 5% VỐN CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY, DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ, CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/03/09

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1.	Công ty Cổ phần Sông Đà 7 <i>Đại diện:</i>		5400105091	2.400.000	60%
	- Nguyễn Khắc Tiến	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	110872523	800.000	20%
	- Nguyễn Thông Hoa	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	012888833	600.000	15%
	- Nguyễn Hữu Doanh	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	111112275	600.000	15%
	- Nguyễn Tuấn Anh	Thị trấn Ít Ong - Mường La - Sơn La	162166103	400.000	10%
TỔNG CỘNG				2.400.000	60%

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

4.2. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên	Địa chỉ	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	5400105091	2.400.000	60,00%
2	Nguyễn Thông Hoa	P205-H1-3 tổ 7C, Thanh Xuân Nam, Hà Nội	012888833	5.000	0,125%
3	Nguyễn Hữu Doanh	Xã Thanh Văn, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây	111112275	5.000	0,125%
TỔNG CỘNG				2.410.000	60,25%

(Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5500296523 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Sơn La cấp ngày 26 tháng 12 năm 2007 CTCP SĐ7.04, thay đổi lần thứ nhất ngày 02/02/2009)

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11 “cổ đông sáng lập của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần đang sở hữu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được đăng ký kinh doanh lần đầu”.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 thành lập từ năm 2007, được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007. Như vậy, các cổ phần của cổ đông sáng lập sẽ bị hạn chế chuyển nhượng đến hết ngày 26 tháng 12 năm 2010.

4.3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/03/09

STT	Cổ đông	Số lượng	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
2.	Tổ chức	01	2.400.000	60%
	+ Trong nước	01	2.400.000	60%
	+ Ngoài nước		0	0%
3.	Cá nhân	566	1.600.000	40%
	+ Trong nước	566	1.600.000	40%
	+ Ngoài nước		0	0%
TỔNG SỐ		567	4.000.000	100%

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

5. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT.

5.1. Những công ty mẹ của Sông Đà 7.04:

Công ty mẹ: Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sông Đà 7

Địa chỉ: Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La

Điện thoại: 0223.830786 Fax: 0223.830921

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh: số **5400105091** do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp.

Vốn điều lệ: **90.000.000.000** (Chín mươi tỷ) đồng

Số cổ phần nắm giữ tại Sông Đà 7.04: **2.400.000** cổ phần chiếm 60% tổng số cổ phần của Sông Đà 7.04

5.2. Những công ty mà Sông Đà 7.04 đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có

5.3. Những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Sông Đà 7.04:

Không có

6. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1. Sản phẩm, dịch vụ

6.1.1. Các nhóm sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 là sản xuất công nghiệp cung cấp vữa bê tông, cát xay, đá dăm các loại phục vụ cho các công trình trọng điểm như công trình thủy điện Sơn La, Bản Vẽ, Lai Châu. Hiện nay, Công ty đã tiến hành khảo sát, thăm dò 02 mỏ đá tại thành phố Hà Nội và tỉnh Hòa Bình để tiến tới sản xuất vật liệu phục vụ cho nhu cầu phát triển các khu đô thị mới, các dự án đang chuẩn bị được đầu tư trong điều kiện thủ đô Hà Nội được mở rộng.

Một số công trình tiêu biểu Sông Đà 7.04 đã và sẽ tham gia cung cấp vữa bê tông, cát xay, đá dăm:

- Thủy điện Tuyên Quang;
- Thủy điện Sơn La;
- Thủy điện Bản Vẽ;
- Thủy điện Lai Châu.

Một số công trình tiêu biểu Sông Đà 7.04 đã và sẽ cung cấp vật liệu
Thủy điện Tuyên Quang



Thủy điện Sơn La



Thủy điện Bản Vẽ



Thủy điện Lai Châu



6.1.2. Sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm

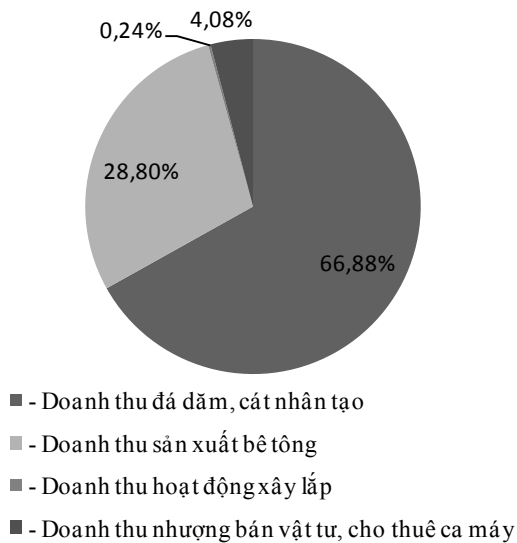
Cơ cấu doanh thu thuần theo hoạt động

Đơn vị: VND

Khoản mục	Năm 2008		Quý I năm 2009	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	%DTT
DOANH THU THUẦN	414.704.176.985	100,00%	128.358.765.467	100,00%
Doanh thu đá dăm, cát nhân tạo	277.372.911.662	66,88%	70.720.929.761	55,10%
Doanh thu sản xuất bê tông	119.428.540.791	28,80%	38.227.666.332	29,78%
Doanh thu hoạt động xây lắp	980.361.167	0,24%	187.253.755	0,15%
Doanh thu nhượng bán vật tư, cho thuê ca máy	16.922.363.365	4,08%	19.222.915.619	14,98%

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN NĂM 2008



Hoạt động sản xuất công nghiệp (*sản xuất đá dăm, cát nhân tạo và bê tông*) được xác định là hoạt động tạo ra doanh thu chủ yếu cho Công ty. Đồng thời Công ty thường tham gia vào những công trình lớn, trọng điểm nên Doanh thu thuần và Giá vốn của các sản phẩm công nghiệp sản xuất cho các công trình này luôn chiếm tỷ trọng lớn trong Doanh thu thuần và Giá vốn hàng bán của Công ty. Bên cạnh đó, các công trình mà Công ty tham gia sản xuất, cung cấp thường có thời gian dài, yêu cầu khối lượng lớn vì vậy mà Doanh thu thuần của Công ty tương đối cao và trải đều qua các năm.

Cơ cấu lợi nhuận gộp theo hoạt động

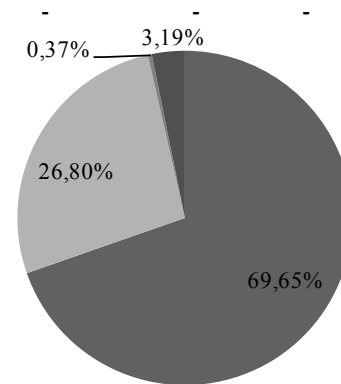
Đơn vị: VND

Khoản mục	Năm 2008		Quý I năm 2009	
	Giá trị	% Tổng Lợi nhuận	Giá trị	% Tổng Lợi nhuận
LỢI NHUẬN GỘP	28.124.744.589	100,00%	6.811.371.962	100,00%
Lợi nhuận từ sản xuất đá dăm, cát nhân tạo	19.587.512.422	69,65%	2.196.801.502	32,25%
Lợi nhuận từ sản xuất bê tông	7.537.666.396	26,80%	3.602.269.483	52,89%
Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp	102.760.503	0,37%	103.046.807	1,51%
Lợi nhuận từ nhượng bán vật tư, cho thuê ca máy	896.805.268	3,19%	909.254.170	13,35%

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

Tương tự như đối với Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp của Công ty đạt được chủ yếu từ hoạt động sản xuất công nghiệp (bao gồm sản xuất đá dăm, cát nhân tạo và sản xuất bê tông). Trong năm 2008, hoạt động sản xuất đá dăm, cát nhân tạo mang lại cho Công ty hơn 19,5 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm 69,65% Lợi nhuận gộp của Công ty. Trong khi đó, hoạt động sản xuất bê tông mang lại hơn 7,5 tỷ đồng lợi nhuận, chiếm 26,80% Lợi nhuận gộp của Công ty. Trong những năm hoạt động, phát triển tiếp theo, Công ty sẽ đa dạng hóa cơ cấu Lợi nhuận gộp khi mở rộng quy mô phát triển, mở rộng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh để tỷ trọng lợi nhuận giữa các nhóm hoạt động trong cơ cấu lợi nhuận gộp đều đạt ở mức tương đối đồng đều và đảm bảo tạo ra tổng mức Lợi nhuận ổn định, tăng trưởng.

CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2008



- - Lợi nhuận từ đá dăm, cát nhân tạo
- - Lợi nhuận từ sản xuất bê tông
- - Lợi nhuận từ hoạt động xây lắp
- - Lợi nhuận từ nhượng bán vật tư, cho thuê ca máy

6.2. Nguyên vật liệu

6.2.1. Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính để sản xuất đá dăm thành phẩm là đá hộc được khai thác từ các mỏ đá tại các công trường mà Công ty tham gia sản xuất phục vụ thi công. Trong thời gian tới, Công ty đang triển khai đầu tư 02 mỏ đá tại Hà Nội và Hòa Bình nhằm mở rộng địa bàn kinh doanh của Công ty, đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng cho việc quy hoạch, xây dựng của thu đô Hà nội khi mở rộng địa giới hành chính.

Nguyên liệu chính để sản xuất vữa bê tông thương phẩm là đá dăm Công ty tự sản xuất, cát, xi măng, phụ gia.... Các nguyên vật liệu này Công ty chủ yếu là mua ngoài từ các nhà máy sản xuất, công ty khai thác lớn và các nhà cung cấp uy tín trên thị trường.

6.2.2. Sự ổn định của nguồn cung cấp nguyên vật liệu

Hiện nay, Công ty đang tham gia sản xuất vật liệu phục vụ chủ yếu cho các công trình thủy điện, thủy công lớn, trọng điểm của chính phủ. Do vậy, nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho công trình luôn được Công ty chuẩn bị rất kỹ lưỡng và có sự ổn định cao. Công ty đã ký hợp đồng mua nguyên vật liệu thường xuyên với các nhà cung cấp lớn, uy tín nhằm đảm bảo nguồn vật liệu đầu vào phục vụ hoạt động sản xuất luôn luôn liên tục, ổn định đáp ứng được tiến độ thi công tại các công trường mà Công ty tham gia phục vụ.

Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

Nhà cung cấp	Sản phẩm
1- Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Đá hộc
2- Công ty Cổ phần Sông Đà 909	Đá hộc
3- Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Cát vàng
4- Công ty TNHH Thành Tiến	Xi măng
5- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Sông Đà	Phụ gia
6- Công ty TNHH Công nghệ và Vật liệu chuyên dụng Spemat	Phụ gia
7- Công ty TNHH Thương mại Hồ Gươm	Xăng, dầu diesel
8- Chi nhánh điện Mừng La	Điện sản xuất, sinh hoạt
9- Công ty TNHH COSH	Phụ tùng máy xúc, ô tô
10- Công ty TNHH Một thành viên Tuấn Phát	Lưới sàng

Nhà cung cấp	Sản phẩm
11- Công ty Cổ phần phát triển Thương mại & Dịch vụ Nam Á	Lốp, phụ tùng ô tô
12- Công ty Cổ phần Tự Thành	Băng tải, con lăn
13- Công ty Cổ phần Que hàn Việt Đức	Que hàn
14- Công ty TNHH Một thành viên Open Asian	Vật tư máy nghiền

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

6.2.3. Sự ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Trong năm 2008, tình hình lạm phát trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, giá cả các loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu tăng liên tục với mức tăng rất lớn làm ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc giá cả nguyên vật liệu tăng cao làm cho giá thành sản xuất sản phẩm tăng do đó lợi nhuận bị giảm và hiệu suất sinh lời không được như mong muốn.

Đối với những hợp đồng cung cấp (dã dăm, bê tông) lớn và kéo dài, việc điều chỉnh giá đối với sản phẩm cung cấp cho khách hàng là tương đối khó khăn bởi vậy việc gia tăng đột biến của giá cả các loại vật tư, nguyên nhiên vật liệu sẽ tác động trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty. Bởi vậy, trước khi ký kết các hợp đồng cung cấp với khách hàng, Công ty luôn phải dự đoán trước những biến động có thể có của thị trường cung cấp nguyên nhiên vật liệu và vật tư.

6.3. Chi phí sản xuất

6.3.1. Cơ cấu các khoản mục chi phí:

Cơ cấu các khoản mục chi phí

Khoản mục	Năm 2008		Quý I năm 2009	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng trên TDT (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng trên TDT (%)
1. Giá vốn hàng bán	386.579.432.396	93,20	121.547.393.505	94,69%
2. Chi phí tài chính	9.868.391.241	2,38	322.189.014	0,25%
3. Chi phí Quản lý DN	5.232.945.447	1,26	1.572.394.702	1,22%
4. Chi phí khác	2.680.000	0,00	1.300.000	0,00%
TỔNG CỘNG	401.683.449.084	96,84	123.443.277.221	96,16%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, BCTC quý I năm 2009 của CTCP Sông Đà 7.04)

6.3.2. Các biện pháp giảm thiểu chi phí

Song hành với việc duy trì chất lượng các nguyên vật liệu cung cấp cho các công trình, Sông Đà 7.04 luôn quản lý chi phí hiệu quả, một số biện pháp đã được Sông Đà 7.04 áp dụng là:

- Công ty đã ban hành các định mức tiết kiệm chi phí xuống tới các tổ đội, phân xưởng nhằm sử dụng triệt để, tiết kiệm và có hiệu quả hơn nữa các yếu tố chi phí đầu vào nguyên vật liệu, nhân công, xe máy, sửa chữa, phụ tùng thay thế;
- Sử dụng các biện pháp kinh tế nhằm tăng cường thu hồi vốn, công nợ để tăng vòng quay của vốn nhằm làm giảm vốn vay và chi phí đi vay. Tăng cường sử dụng, sáng tạo trong biện pháp thi công, sản xuất nhằm nâng cao năng suất, hiệu suất của các máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất, thường xuyên bảo dưỡng xe máy, thiết bị để đảm bảo tính hoạt động liên tục của máy móc, thiết bị;
- Khuyến khích CBCNV phát huy tính sáng tạo trong công việc, đưa ra những phát minh, cải tiến trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại, tránh lãng phí, nêu cao tinh thần thực hành tiết kiệm trong công tác sản xuất.

6.4. Trình độ công nghệ

6.4.1. Máy móc thiết bị

Máy móc thiết bị của Công ty đang sử dụng đều là thiết bị nhập khẩu nguyên chiếc của các nước tiên tiến trên thế giới như Thụy Điển, Mỹ, Hàn Quốc ... đã được khẳng định trên toàn thế giới về uy tín chất lượng và được sử dụng rộng rãi đáp ứng các yêu cầu chất lượng khắt khe nhất.

Song song với việc đầu tư máy móc trang thiết bị hiện đại, SĐ 7.04 còn chú trọng mở các lớp tập huấn đào tạo kỹ năng và thực hành cho các nhân viên kỹ thuật tại SĐ7.04, CBCNV của SĐ7.04 thường xuyên được tiếp cận với công nghệ mới và hiện đại khi tham gia những buổi tập huấn, hướng dẫn về thiết bị máy móc mới nhập của Công ty.

Ngoài ra, để nâng cao thời gian hữu dụng của máy móc thiết bị, SĐ7.04 còn áp dụng quy trình duy tu và bảo dưỡng các thiết bị, máy móc theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt về cách thức và thời gian.

Các máy móc thiết bị tiêu biểu của Công ty

TT	Tên máy	Mã hiệu	Số lượng (Chiếc)	Nước Sản xuất	Năm sản xuất	Chất lượng còn lại theo đánh giá thực tế	Hãng sản xuất
1	Trạm nghiền sàng 650.000m ³ /năm	SANDVIKSRP - 400	01	Thụy Điển	2007	84%	Sandvik
2	Trạm nghiền sàng 350.000m ³ /năm	SANDVIKSRP - 300	01	Thụy Điển	2005	58%	Sandvik
3	Trạm nghiền sàng 250.000m ³ /năm	TDSU 100	01	Nga	2003	51%	Drobmac
4	Trạm nghiền sàng 200.000m ³ /năm	TDSU 90	01	Nga	2003	44%	Drobmac
5	Đuôi nghiền cát	TITAN D160	01	Nga	2006	82%	Drobmac
6	Trạm trộn bê tông 120m ³ /h	4MZ4500T	01	Italy	2004	53%	Eruotech
7	Trạm trộn bê tông 120m ³ /h	Simem	01	Italy	2002	48%	Simen
8	Máy xúc lật Volvo	L120E	01	Thụy Điển	2003	45%	Volvo
9	Máy ủi Caterpillar	D6R	01	Mỹ	2004	51%	Caterpillar
10	Xe Hyundai tự trộn	HD270	09	Hàn Quốc	2002, 2008	48%	Hyundai
11	Xe Kamaz tự trộn	53229	03	Nga	2003	47%	Kamaz
12	Xe Hyundai tự đổ	HD270	08	Hàn Quốc	2008	97%	Huyndai

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

Hình ảnh một số máy móc, thiết bị tiêu biểu của Công ty

Dây chuyền nghiền đá dăm, cát nhân tạo



Trạm trộn bê tông ERUOTEC 120m3/h

Tổ hợp sản xuất, vận chuyển bê tông tươi



Xe ô tô ben Hyundai HD270



6.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ

Chất lượng sản phẩm đầu ra của Sông Đà 7.04 luôn đáp ứng các yêu cầu của các công trình. Mỗi sản phẩm Công ty làm ra đều được qua Trung tâm thí nghiệm cấp Nhà nước kiểm chứng cấp chứng chỉ xuất xưởng (Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà – Trung tâm thí nghiệm xây dựng Sông Đà) đưa vào sử dụng. Với chức năng sản xuất công nghiệp cung cấp cát đá thành phẩm và bê tông thương phẩm, các sản phẩm của Sông Đà 7.04 luôn đầy đủ về hồ sơ kỹ thuật như các chứng chỉ xi măng, cát, đá ... và được nhà thầu chính cũng như khách hàng chấp nhận nghiệm thu đưa vào sử dụng và được đánh giá cao.

Sông Đà 7.04 luôn tìm hiểu nghiên cứu, cập nhật công nghệ mới thay đổi bổ sung cho các máy móc thiết bị đang sử dụng để có thể đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu về chất lượng sản phẩm của đơn vị sử dụng và các đối tác hợp tác với Công ty.

6.6. Hoạt động marketing

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 mới thành lập được trên 01 năm. Công ty tiến hành quảng bá thương hiệu bằng nhiều phương thức như: quảng cáo trên báo chí, các trang thông tin điện tử, các băng rôn khẩu hiệu tại nơi đơn vị đặt trụ sở, quảng bá bằng chất lượng sản phẩm. Trong thời gian tới Công ty sẽ triển khai trang thông tin điện tử riêng để quảng bá thương hiệu cũng như tạo điều kiện thuận lợi để trao đổi, hợp tác với phương châm **“Chất lượng nền tảng thành công, uy tín khẳng định bền vững”**.

Tạo dựng thương hiệu

Thành lập từ một xí nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 7, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được thừa hưởng lợi thế từ uy tín của thương hiệu SÔNG ĐÀ, một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam. Phát huy lợi thế đó, Công ty đã xác định việc tạo dựng thương hiệu Sông Đà 7.04 cần gắn với những giá trị sau:

- Cung cấp nguồn vật liệu xây dựng chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của khách hàng;
- Phục vụ khách hàng với phong cách chuyên nghiệp, tận tình và tinh thần trách nhiệm cao;
- Không ngừng đầu tư, cải tiến để áp dụng những công nghệ và máy móc thi công hiện đại.

Bằng uy tín và chất lượng dịch vụ cung cấp trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 đã làm hài lòng khách hàng.

6.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo Công ty:



SÔNG ĐÀ 7.04

Hiện nay, Công ty sử dụng logo của Tổng công ty Sông Đà, bên dưới có hàng chữ “-SÔNG ĐÀ 7.04”. Biểu tượng lô gô của Tổng công ty Sông Đà đã được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 60204 theo Quyết định số A1024/QĐ-ĐK ngày 16/02/2005.

Nhãn hiệu “Sông Đà” theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66125 theo quyết định số A9294/QĐ-ĐK ngày 24/8/2005 của Cục Sở hữu trí tuệ- Bộ Khoa học và Công nghệ và các nhãn hiệu theo giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá số 66123 và 66124.

6.8. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Các hợp đồng lớn đã ký kết và đang thực hiện trong năm 2009

STT	Ngày ký HĐ	Tên công trình	Số HĐ	Chủ đầu tư	Giá trị HĐ	ĐVT	Thời gian thực hiện
1	10/02/2009	Công trình thủy điện Sơn La;	02/2009-HĐKT/702-704	Công ty Cổ phần Sông Đà 702	18	Tỷ đồng	2009
2	10/02/2009	Công trình thủy điện Sơn La;	05/2009-HĐKT/705-704	Xí nghiệp Sông Đà 705-Công ty Cổ phần Sông Đà 7	57	Tỷ đồng	2009
3	10/02/2009	Công trình thủy điện Sơn La;	07/2009-HĐKT/707-704	Xí nghiệp Sông Đà 707-Công ty Cổ phần Sông Đà 7	70	Tỷ đồng	2009
4	10/02/2009	Công trình thủy điện Sơn La;	08/2009-HĐKT/CK-704	Xí nghiệp Cơ khí-Công ty Cổ phần Sông Đà 7	4	Tỷ đồng	2009
5	01/01/2009	Công trình thủy điện Sơn La;	01/2009-HĐKT/604-704	Công ty Cổ phần Sông Đà 604	18	Tỷ đồng	2009
6	02/3/2009	Công trình thủy điện Sơn La;	10/2009-HĐKT	Công ty Cổ phần công nghiệp xây dựng Toàn Phát	1	Tỷ đồng	2009
7	10/4/2008	Công trình thủy điện Sơn La;	22/2008-HĐKT/SD5-SD704 ²	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	145	Tỷ đồng	2008 - 2009

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

² Hợp đồng này được thực hiện từ năm 2008 và tiếp tục được Công ty triển khai thực hiện trong năm 2009.

7. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Năm 2008			Quý I năm 2009
		Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch (%)	
1	Tổng giá trị tài sản	-	177.590.307.536	-	213.346.630.509
-	Tài sản ngắn hạn	-	100.660.747.096	-	140.199.001.374
-	Tài sản dài hạn	-	76.929.560.440	-	73.147.629.135
2	Doanh thu thuần	261.530.000.000	414.704.176.985	158,57	128.358.765.467
3	Lợi nhuận từ HĐKD	-	13.094.785.060	-	4.925.371.022
4	Lợi nhuận khác	0	0	-	0
5	Lợi nhuận trước thuế	8.190.000.000	13.094.785.060	159,89	4.925.371.022
6	Lợi nhuận sau thuế	8.190.000.000	13.094.785.060	159,89	4.925.371.022
7	Tỷ lệ trả cổ tức	12%	18%	150,00	-

(Nguồn: CTCP SĐ7.04)

So với cách doanh nghiệp khác trong cùng ngành, thời gian hoạt động của Sông Đà 7.04 là chưa lâu, tuy vậy kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2008 của Sông Đà 7.04 là khá so với toàn ngành. Tỷ trọng Lợi nhuận trước thuế/ Doanh thu thuần năm 2008 đạt 3,16%, thu nhập trên cổ phần (EPS) là 3.273,69 đồng/cổ phần, tỷ lệ trả cổ tức là 18% (1.800 đồng/cổ phần).

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ báo cáo

Thuận lợi

- Công ty được tham gia sản xuất vật liệu phục vụ thi công công trình thủy điện Sơn La do đó công tác bán hàng có nhiều thuận lợi với doanh thu ổn định.
- Nguồn nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất được khai thác tại chỗ đáp ứng đầy đủ theo yêu

cầu sản xuất, thi công tại công trường. Bên cạnh đó, nguồn nguyên vật liệu khác luôn được Chính phủ, chủ đầu tư, tổng thầu và các nhà thầu ưu tiên hàng đầu để đảm bảo cho tiến độ thi công chung trên toàn công trường bởi các công trình Công ty tham gia sản xuất phục vụ đều là những công trình trọng điểm của Nhà Nước.

- Tập thể CBCNV toàn Công ty luôn đoàn kết, nhất trí, chủ động, sáng tạo trong mọi tình huống, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm, biết phát huy sức lao động, sáng tạo của CBCNV, luôn hướng lên phía trước và không ngại khó khăn;
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ và chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp, nhất là của Đảng uỷ, lãnh đạo Công ty mẹ và Tổng công ty Sông Đà trong suốt quá trình xây dựng và phát triển;
- Cơ chế thanh toán nghiệm thu khối lượng nhanh, đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn vốn sản xuất thường xuyên, liên tục giảm thiểu chi phí đi vay và tăng lợi nhuận.
- Sông Đà 7.04 đã xây dựng được thương hiệu riêng ngay từ khi còn là Xí nghiệp Sông Đà 7.04 trực thuộc CTCP Sông Đà 7. Sông Đà 7.04 đã khẳng định được vị thế riêng của mình trong lĩnh vực cung cấp vật liệu xây dựng.

Khó khăn

- Công ty được thành lập trong giai đoạn nền kinh tế thế giới đang suy thoái, nền kinh tế trong nước bị ảnh hưởng nhiều vì vậy mà Công ty gặp rất nhiều khó khăn.
- Giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu tăng mạnh, biến động thường xuyên làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh, năng suất lao động của Công ty.
- Chi phí đi vay tăng cao do lãi suất vay vốn tăng nhanh và diễn biến thất thường, thị trường tiền tệ biến động lớn do đó ảnh hưởng nhiều đến việc huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Sự cạnh tranh trong thị trường cung cấp vật liệu xây dựng ngày càng gay gắt với sự lớn mạnh không ngừng về quy mô, tốc độ phát triển của các đơn vị chưa có truyền thống sản xuất VLXD trước đây.

8. VỊ THẾ CỦA CÔNG TY SO VỚI CÁC DOANH NGHIỆP KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH

8.1. Triển vọng của sản xuất vật liệu xây dựng

Ngành sản xuất vật liệu xây dựng là một trong những ngành được nhà nước quan tâm phát triển nhằm sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên của đất nước đồng thời góp phần quan trọng đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong thời kỳ mới. Hơn 20 năm qua,

cùng với sự phát triển của đất nước, ngành sản xuất vật liệu xây dựng không ngừng phát triển mọi mặt cả về trình độ sản xuất, trình độ công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng của đất nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Hiện nay, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ngày càng được chính phủ đẩy mạnh, sự tăng trưởng cao, liên tục của nền kinh tế, nhu cầu xây dựng, phát triển quy hoạch vùng lớn, cơ sở hạ tầng giao thông mở rộng do đó mà đòi hỏi các sản phẩm vật liệu xây dựng ngành sản xuất vật liệu xây dựng ngày càng lớn thì mới đáp ứng được nhu cầu phát triển chung của đất nước cũng như xuất khẩu ra nước ngoài. Theo như Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29/08/2008 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng đến năm 2020 nhu cầu vật liệu xây dựng trong nước rất lớn;

Công suất thiết kế và sản lượng vật liệu xây dựng đến năm 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 121/2008/QĐ-TTg ngày 29 tháng 08 năm 2008

của Thủ tướng Chính phủ)

Chủng loại	Đơn vị	Năm 2010		Năm 2015		Năm 2020	
		Công suất	Sản lượng	Công suất	Sản lượng	Công suất	Sản lượng
<i>Xi măng</i>	Triệu tấn	65,59	59,02	99,5	88,5	> 112	112
<i>Gạch ốp lát</i>	Triệu m ²	275,4	206	335	302	460	414
<i>Sứ vệ sinh</i>	Triệu sản phẩm	10	9	15	13	24	21
<i>Kính xây dựng</i>	Triệu m ²	172,4	93	172,4	135	228	200,4
<i>Vật liệu xây</i>	Tỷ viên	27	25	35,5	32	46,5	42
Trong đó: Vật liệu xây không nung	Tỷ viên	2,7	2,5	7,1 - 8,8	6,4 - 8,0	13,9 - 18,6	12,6- 16,8
<i>Vật liệu lợp</i>	Triệu m ²	140	126	190	171	248	224
<i>Đá xây dựng</i>	Triệu m ³	115	104	164	148	226	204
<i>Cát xây dựng</i>	Triệu m ³	107	97	151	136	211	190

8.2. Vị thế của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 là đá xây dựng, cát xay nhân tạo, cấu kiện bê tông, vữa bê tông thương phẩm, một trong những sản phẩm quan trọng không thể thiếu trong kết cấu vật liệu của bất cứ công trình xây dựng nào. Hiện nay, Công ty là một trong số ít đơn vị có uy tín trong sản xuất các sản phẩm này, điều này được khẳng định bởi Công ty có đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm; có dàn máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại, công nghệ tiên tiến, sản phẩm luôn đạt chất lượng cao theo yêu cầu công trình. Thêm vào đó, Công ty đã và đang cung cấp vật liệu cho những công trình lớn mang tầm cỡ quốc gia như công trình thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Sơn La..., sản phẩm do Công ty sản xuất luôn đáp ứng được khối lượng rất lớn vật liệu và đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe của các công trình này.

Bằng năng lực sản xuất, trình độ công nghệ cao, dây chuyền đồng bộ, tiên tiến và đội ngũ CBCNV giàu kinh nghiệm sản xuất, Công ty ngày càng nâng cao được vị thế của mình trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, được chủ đầu tư và các đối tác tin tưởng hợp tác.

8.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với triển vọng của ngành

Với nhu cầu phát triển xây dựng, cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị của đất nước ngày càng lớn, Công ty đã có những định hướng phát triển đúng đắn, phù hợp với triển vọng phát triển của ngành theo quy hoạch phát triển ngành vật liệu xây dựng đến năm 2020 của Chính phủ. Công ty đã mạnh dạn đầu tư các dây chuyền sản xuất hiện đại, công suất lớn để sản xuất ra những sản phẩm mới như cát xay nhân tạo thay thế cho cát tự nhiên. Đồng thời, Công ty cũng xác định sản xuất vật liệu là ngành nghề truyền thống của Sông Đà 7.04, tài nguyên thiên nhiên là hữu hạn, vô giá, Công ty đã tìm kiếm khảo sát và khoan thăm dò 02 mỏ đá tại Hà Nội, Hòa Bình. Báo cáo kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng và chất lượng đá đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng nhu cầu vật liệu đá xây dựng của các công trình tại thị trường Hà Nội, Hòa Bình khi quy hoạch vùng thủ đô được mở rộng cũng như các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, Công ty cũng nghiên cứu, tìm hiểu các công nghệ sản xuất bê tông mới, tiên tiến để trong tương lai sẽ có những sản phẩm mới từ bê tông có chất lượng cao, thẩm mỹ đẹp đáp ứng được nhu cầu thị trường xây dựng các khu đô thị, cơ sở hạ tầng và nhu cầu trang trí nội thất, cảnh quan công trình.

9. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty

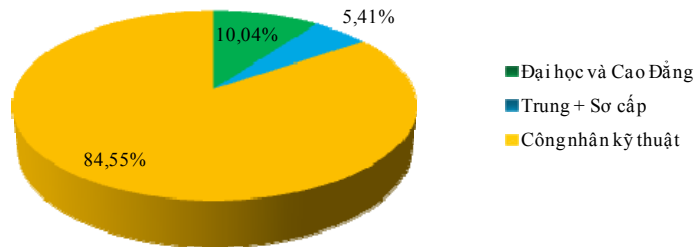
Tính đến thời điểm 31/03/2009, Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 có 259 CBCNV, cơ cấu lao động được thể hiện ở bảng sau:

Cơ cấu lao động của Sông Đà 7.04 (tại thời điểm 31/03/2009)

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học và Cao Đẳng	26	10,04%
2	Trung + Sơ cấp	14	5,41%
3	Công nhân kỹ thuật	219	84,55%
Tổng cộng		259	100,00%

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO TRÌNH ĐỘ (tại ngày 31/03/2009)



9.2. Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 6 ngày/tuần, nghỉ trưa 1h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và Tết 9 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBCNV được nghỉ ốm 03 ngày (*không liên tục*) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

b. Chính sách tuyển dụng, thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, v.v... .

Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của SD7.04 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật.

Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBCNV đã góp phần giúp Sông Đà 7.04 duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành xây dựng nói chung và ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.

c. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách lương

Hệ thống lương của Sông Đà 7.04 được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm và chủ yếu là dựa vào hiệu quả công việc của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước.

Định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Mức thu nhập bình quân của người lao động như sau:

MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Năm	Đơn vị	2008	2009 (Dự kiến)
Mức thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	4.500.000	4.900.000

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Với mục tiêu động viên người lao động nâng cao năng suất và hiệu quả công việc, Công ty áp dụng chính sách khen thưởng xứng đáng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao.

Hình thức khen thưởng được áp dụng bao gồm khen thưởng bằng vật chất, tuyên dương trước tập thể, tổ chức các chuyến du lịch, tập huấn trong và ngoài nước, v.v... .

Bên cạnh đó, việc xử lý cán bộ có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của Công ty cũng được Sông Đà 7.04 thực hiện chặt chẽ. Nhờ đó đã giúp Sông Đà 7.04 tạo dựng một môi trường làm việc nghiêm túc và có tinh thần thi đua cao trong toàn Công ty.

Chế độ bảo hiểm và phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế cho người lao động luôn được Công ty thực hiện đầy đủ theo các quy định của pháp luật, bảo đảm quyền lợi của CBCNV, giúp người lao động yên tâm trong công tác.

Bên cạnh đó, ban lãnh đạo Công ty cũng rất chú trọng tới các chế độ đãi ngộ khác dành cho người lao động. Mặc dù là một doanh nghiệp mới thành lập nhưng Công ty đã xây dựng và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi cũng như đời sống tinh thần của toàn thể nhân viên. Trong năm, Công ty tổ chức cho cán bộ nhân viên đi tham quan nghỉ mát, thực hiện các chế độ thăm hỏi đối với nhân viên ốm đau, thai sản, tặng quà cho nhân viên nhân dịp sinh nhật, kết hôn, tổ chức gặp mặt, tặng quà cho con em cán bộ nhân viên nhân dịp 1-6, Trung Thu...

Những hoạt động này đã tạo nên nét văn hóa đặc trưng của Sông Đà 7.04, mang lại sự gắn kết giữa các CBCNV cũng như giữa CBCNV với Công ty.

d. Chính sách cổ tức

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ 26/12/2007. Theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04, chính sách phân phối cổ tức sẽ do HĐQT đề nghị và ĐHĐCĐ quyết định.

Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 đã thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ trả cổ tức cho năm 2008 với tỷ lệ 18%. Cũng theo quyết định của ĐHĐCĐ, mức chi trả cổ tức dự kiến cho năm hoạt động tài chính 2009 sẽ là 18%. Tính đến thời điểm 31/03/2009, Công ty đã lập xong Danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2008 (*danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2008 chốt ngày 20/01/2009*) và dự kiến sẽ thanh toán cổ tức cho cổ đông trong quý II năm 2009.

10. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

10.1. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

10.1.1. Trích khấu hao Tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng: Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Quyết định số 2006/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản khác	03 - 05

10.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thực hiện đầy đủ và đúng hạn việc thanh toán các khoản nợ đến hạn đối với các cá nhân và tổ chức tín dụng.

10.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập doanh nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế 5% đối với hoạt động thanh lý TSCĐ, vật tư thu hồi và 10% đối với các hoạt động khác.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Công ty áp dụng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế nhưng Công ty đang thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế Thu nhập doanh nghiệp theo Điểm c Khoản 3 Mục III Phần E và Điểm e Khoản 4 Mục III Phần E tại Thông tư 134/2007/TT-BTC ngày

23/11/2007 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Các loại thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VNĐ

STT	Khoản mục	31/12/2008	31/03/2009
1	Thuế GTGT	-	2.068.407.857
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	11.569.601	11.569.601
4	Các loại thuế khác	-	-
Cộng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		11.569.601	2.079.977.458

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04)

10.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Việc trích lập các quỹ của Công ty được thực hiện căn cứ theo:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ;
- Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian tới;
- Quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Đề xuất của HĐQT và sự phê duyệt của ĐHCĐ.

Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm tài chính 2008 của Công ty đã thông qua việc trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ Dự phòng tài chính: 589.265.328 đồng;
- Quỹ Đầu tư phát triển: 3.324.765.927 đồng;
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi: 918.075.381 đồng;
- Quỹ Khen thưởng Ban điều hành Công ty: 100.000.000 đồng.

10.1.5. Tổng dư nợ vay

Tổng dư nợ vay

Đơn vị: VNĐ

Stt	Khoản mục	31/12/2008		31/03/2009	
		Giá trị	% Tổng dư nợ vay	Giá trị	% Tổng dư nợ vay
1.	Vay và nợ ngắn hạn - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn La	2.400.000.000	32,00%	1.900.000.000	27,14%
2	Vay và nợ dài hạn - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Sơn La	5.100.000.000	68,00%	5.100.000.000	72,86%
TỔNG CỘNG		7.500.000.000	100,00	7.000.000.000	100,00%

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, BCTC quý I năm 2009 của CTCP Sông Đà 7.04)

10.1.6. Tình hình công nợ

Các khoản phải thu

Đơn vị: VNĐ

STT	Các chỉ tiêu	31/12/2008	31/03/2009
1	Phải thu khách hàng	22.724.337.881	62.649.893.888
2	Trả trước cho người bán	5.004.169.643	11.200.689.337
3	Phải thu khác	15.845.460.780	36.110.937.332
TỔNG CỘNG		43.573.968.304	109.961.520.557

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, BCTC quý I năm 2009 của CTCP Sông Đà 7.04)

Số dư Khoản phải thu khác (15.845.460.780 đồng) chủ yếu được hình thành từ việc các xí nghiệp trực thuộc của CTCP Sông Đà 7 mua sản phẩm của Công ty. Theo đó, hàng quý, Công ty sẽ chuyển toàn bộ công nợ của các đơn vị trực thuộc này sang công nợ của công ty mẹ (Sông Đà 7), đồng thời Sông Đà 7 có nghĩa vụ thanh toán công nợ cho Công ty.

Các khoản nợ phải trả

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	31/12/2008	31/03/2009
I	Nợ ngắn hạn	119.380.522.476	157.385.355.997
1.	Vay và nợ ngắn hạn	2.400.000.000	1.900.000.000
2	Phải trả người bán	50.579.021.254	75.362.210.948
3	Người mua trả tiền trước	41.053.588.115	45.632.183.720
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	11.569.601	2.079.977.458
5	Phải trả người lao động	2.562.312.304	1.320.763.446
6	Chi phí phải trả	9.615.341.041	11.713.738.411
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	13.158.690.161	19.376.482.014
II	Nợ dài hạn	5.115.000.000	5.141.118.430
1	Vay và nợ dài hạn	5.100.000.000	5.100.000.000
2	Phải trả dài hạn khác	15.000.000	25.000.000
3	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	16.118.430
TỔNG CỘNG		124.495.522.476	162.526.474.427

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, BCTC quý I năm 2009 của CTCP Sông Đà 7.04)

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 hiện đang cung cấp vật liệu (cát, đá dăm, bê tông...) tại các công trình thủy điện lớn như: thủy điện Sơn La, thủy điện Bản Vẽ, Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty chủ yếu là đá học, cát vàng, phụ gia do các công ty thành viên của Tổng Công ty Sông Đà cung cấp (Công ty Cổ phần Sông Đà 12, Công ty Cổ phần Sông Đà 909, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Sông Đà,...). Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 thực hiện thanh toán tiền cung cấp nguyên vật liệu cho các nhà cung cấp liên quan thông qua Ban Điều hành dự án và theo phương thức gán trừ công nợ. Quá trình xác định công nợ phải thu, phải trả giữa các đơn vị hoạt động tại công trình của Ban Điều hành dự án thường kéo dài và không hoàn tất vào thời điểm cuối kỳ kế toán, dẫn đến Số dư khoản Phải trả người bán của Công ty tại các thời điểm cuối quý, cuối năm thường cao (Số dư khoản Phải trả người bán của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và 31/03/2009 lần lượt là 50,6 tỷ đồng là 75,4 tỷ đồng).

Số dư khoản Phải trả người lao động tại thời điểm 31/12/2008 là số tiền lương tháng 11 và tháng 12 năm 2008 Công ty chưa thanh toán cho Cán bộ công nhân viên của Công ty. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động của Công ty phụ thuộc vào tiến độ các khoản tiền thu về của toàn Công ty, theo đó có thời điểm, người lao động được nhận lương tạm ứng trước cho 1 hoặc 2 tháng đồng thời cũng có thời điểm người lao động nhận lương chậm 1 hoặc 2 tháng.

Số dư của khoản Chi phí phải trả chủ yếu là phần Chi phí công trình trích trước. Tại thời điểm 31/12/2008, Chi phí công trình trích trước chiếm 9.086.448.568 đồng trong tổng số 9.615.341.041 đồng Chi phí phải trả. Số dư khoản mục này tại thời điểm 31/03/2009 lần lượt là 11.317.915.534 đồng và 11.713.738.411 đồng. Đây là các khoản phụ phí Công ty trích trước trả cho người bán và đã xuất hóa đơn.

Trong số 13.158.690.161 đồng số dư Khoản phải trả, phải nộp khác tại thời điểm 31/12/2008 có 11.207.459.846 đồng là khoản vật tư tạm nhập. Đây là khoản tiền Công ty xuất mua vật tư nhưng chưa có hóa đơn và các khoản cán bộ Công ty mua vật tư về nhưng chưa được Công ty thanh toán.

10.2. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008
Khả năng thanh toán			
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,84
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,40
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,70
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,34
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,26
2	DTT/TTS	Lần	2,34
Tỷ suất sinh lời			
1	Hệ số LNST/DTT	%	3,16%
2	Hệ số LNST/VCSH	%	24,66%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2008
3	Hệ số LNST/TTS	%	7,37%
4	Hệ số LN từ HĐKD/DTT	%	3,16%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008 của CTCP Sông Đà 7.04)

Năm 2008 là năm hoạt động đầu tiên, Công ty chưa trải qua quá trình tích lũy nên các chỉ số tài chính của Công ty chưa được tốt so với các doanh nghiệp khác đã hoạt động nhiều năm trong ngành. Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt là 0,8 và 0,4 cho thấy khả năng thanh toán của Công ty cần được cải thiện hơn để đảm bảo cho việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Tương tự như vậy, cơ cấu vốn hiện tại của Công ty cho thấy tỷ trọng nợ đang chiếm một tỷ lệ cao trong tổng tài sản (khoảng 70%). Trong khi đó nợ vay ngân hàng chỉ chiếm tỷ trọng thấp trong Tổng nợ (7,5 tỷ đồng trong hơn 124 tỷ đồng) thể hiện Công ty có khả năng chiếm dụng vốn cao.

11. SƠ YẾU LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

11.1. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Ông Nguyễn Khắc Tiến - Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Khắc Tiến**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND/Hộ chiếu: 110872523 Cấp ngày 25/8/2000 Nơi cấp: Hà Tây
- Ngày, tháng, năm sinh: 22/12/1957
- Nơi sinh: Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đồng Quang, Huyện Quốc Oai, Thành Phố Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Kiến Hưng, thị xã Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0223.839928
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng thủy lợi

- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ năm 1985 - 1993: Đội trưởng – Công ty Xây dựng công trình ngầm;
 - ✓ Từ năm 1983 - 1996: Khu trưởng – Công ty Xây dựng công trình ngầm;
 - ✓ Từ năm 1996 - 1997: Kỹ thuật Xí nghiệp Sông Đà 802 – Công ty Xây dựng Sông Đà 8;
 - ✓ Từ năm 1997 - 2000: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 703 – Công ty Xây dựng Sông Đà 7;
 - ✓ Từ năm 2000 - 2002: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 705 – Công ty Xây dựng Sông Đà 7;
 - ✓ Từ năm 2002 - 2005: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 705 – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ năm 2005 đến 12/2006: Phó Giám đốc Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2006 - 3/2007: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 4/2007 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7
- Số cổ phần nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2009): **805.000** cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: **5.000** cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 7: **800.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Nguyễn Thông Hoa - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Thông Hoa**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 012888833 Ngày cấp: 23/06/2006 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 11/10/1957
- Nơi sinh: Tự nhiên, Thường tín, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Tự nhiên, Huyện Thường Tín, TP Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P205-H1, 3-Tổ 7C Thanh Xuân Nam, Thanh xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0223.831.361
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng thủy lợi
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 10/1978 – 10/1982: Xí nghiệp 33T/ca Tổng Công ty Xây dựng thủy điện Sông Đà;
 - ✓ Từ 11/1982 – 10/1987: Sinh viên Trường Đại học Thủy lợi Hà Nội;
 - ✓ Từ 11/1987 – 4/1993: Kỹ thuật Xí nghiệp Thủy công 1;
 - ✓ Từ 5/1993 – 12/1996: Trưởng ban Kỹ thuật Xí nghiệp 601 – Công ty Sông Đà 6;
 - ✓ Từ 1/1997 – 6/2001: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 705 – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 7/2001 – 12/2002: Trưởng phòng Kỹ thuật – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2003 – 7/2007: Giám đốc Xí nghiệp xây lắp I – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 8/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **405.000** cổ phần
 - Trong đó:* Sở hữu cá nhân: **5.000** cổ phần
 - Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 7: **400.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Ông Nguyễn Hữu Doanh- Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Hữu Doanh**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 111112275 Ngày cấp: 03/9/2003 Nơi cấp: Hà Tây

- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1968
- Nơi sinh: Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thanh Văn, Huyện Thanh Oai, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Phường Đồng tiến, Thành Phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình
- Số điện thoại liên lạc: 0223.830.990
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 7/1987 – 12/1994: Nhân viên kỹ thuật – Công ty Xây dựng công trình ngầm – Tổng Công ty Sông Đà;
 - ✓ Từ 1/1995 – 12/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Xây dựng Sông Đà 8 – Tổng Công ty Sông Đà;
 - ✓ Từ 1/1997 – 06/2002: Học Đại học Xây dựng Hà Nội;
 - ✓ Từ 7/2002 – 01/2004: Đội trưởng đội xây lắp số I – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 02/2004 – 12/2007: Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **805.000** cổ phần
Trong đó: Sở hữu cá nhân: **5.000** cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 7: **800.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. Ông Nguyễn Văn Cường - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Văn Cường**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMTND: **130676800** Ngày cấp: **22/12/1979** Nơi cấp: **Vĩnh Phú**
- Ngày tháng năm sinh: **01/08/1962**
- Nơi sinh: **Liên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Liên Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình**
- Địa chỉ thường trú: **Phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình**
- Số điện thoại liên lạc: **0223.830.990**
- Trình độ văn hoá: **10/10**
- Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Cơ khí**
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 6/1985 - 12/1995: Kỹ thuật Công ty Xây dựng công trình ngầm;
 - ✓ Từ 01/1996 – 12/1996: Kỹ thuật Chi nhánh Công ty Xây dựng Sông Đà 8;
 - ✓ Từ 01/1997 – 12/2002: Quản đốc phân xưởng Cơ khí – Công ty Xây dựng Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2003 – 12/2007: Phó Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: **Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc**
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **5.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: **Không**
- Hành vi vi phạm pháp luật: **Không**
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: **Không**

5. Ông Nguyễn Xuân Đức - Ủy viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Xuân Đức**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 171805026 Ngày cấp: 26/07/2002 Nơi cấp: Thanh Hóa
- Ngày tháng năm sinh: 22/05/1978
- Nơi sinh: Quảng Hợp, Quảng Xương, Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Quảng Lĩnh, Quảng Xương, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: SN01/63 Lương Đắc Bằng, Phường Đông Sơn, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Số điện thoại liên lạc: 0223.830.990
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy Xây dựng – Xếp dỡ
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 7/2003 – 7/2005: Kỹ thuật Xí nghiệp Nghiền sàng – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 8/2005 – 12/2007: Quản đốc Phân xưởng Nghiền sàng Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến ngày: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **8.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

11.2. Thành viên Ban Giám đốc

1. Ông Nguyễn Hữu Doanh - Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như phần 11.1 nêu trên)

2. Ông Nguyễn Văn Cường – Phó Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như phần 11.1 nêu trên)

3. Ông Nguyễn Xuân Đức - Phó Giám đốc

(Sơ yếu lý lịch như phần 11.1 nêu trên)

4. Ông Phạm Đình Hùng - Phó Giám đốc

- Họ và tên: **Phạm Đình Hùng**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 162166746 Ngày cấp: 24/11/2008 Nơi cấp: Nam Định
- Ngày tháng năm sinh: 26/06/1979
- Nơi sinh: Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Trung Đông, Trực Ninh, Nam Định
- Số điện thoại liên lạc: 0982688266
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế – Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 02/2004 – 8/2005: Nhân viên Phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 9/2005 – 01/2007: Phó phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 02/2007 – 12/2008: Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2009 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **7.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

11.3. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Tuấn Anh - Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Tuấn Anh**
 - Giới tính: Nam
 - Số CMND: 162166103 Ngày cấp: 26/12/1995 Nơi cấp: Nam Hà
 - Ngày tháng năm sinh: 11/7/1980
 - Nơi sinh: Duy Tiên, Hà Nam
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Duy Tiên, Hà Nam
 - Địa chỉ thường trú: 58C – Phố Phạm Ngọc Nghị - Thị trấn Đồng Văn – Huyện Duy Tiên – Tỉnh Hà Nam
 - Số điện thoại liên lạc: 0223.830.924
 - Trình độ văn hoá: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
 - Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2004 – 2006: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 2007 – 7/2007: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà;
 - ✓ Từ 8/2007 đến nay: Phó Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
 - Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7
 - Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/09*): **405.000** cổ phần
- Trong đó:* Sở hữu cá nhân: **5.000** cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn CTCP Sông Đà 7: **400.000** cổ phần

- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Nguyễn Anh Lam - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Nguyễn Anh Lam**
- Giới tính: Nam
- Số CMND: 182151453 Ngày cấp: 13/07/1995 Nơi cấp: Nghệ An
- Ngày tháng năm sinh: 24/09/1981
- Nơi sinh: Phú Sơn, Tân Kỳ, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Phú Sơn, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Xã Phú Sơn, Huyện Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại liên lạc: 0222.214.003
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế Thủy lợi
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/2004 – 12/2005: Nhân viên Ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp Sông Đà 705 – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2006 – 12/2006: Nhân viên Ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp Sông Đà 704 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2007 – 10/2007: Phó Ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 11/2007 – 12/2007: Trưởng ban Kinh tế Kế hoạch Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Trưởng Phòng Kinh tế Kế hoạch Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng Phòng Kinh

tế Kế hoạch

- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **8.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **3.000** cổ phần
 - ✓ Họ và tên: **Hoàng Thị Huệ**
 - ✓ Quan hệ: Vợ
 - ✓ Số cổ phần nắm giữ: **3.000** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Ông Trần Văn Tài – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: **Trần Văn Tài**
- Giới tính: Nam
- Số CMTND: 141884542 Ngày cấp: 25/5/1996 Nơi cấp: Hải Dương
- Ngày tháng năm sinh: 10/03/1979
- Nơi sinh: Xã Ngô Quyền, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Ngô Quyền, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: Xã Ngô Quyền, Huyện Thanh Miện, Tỉnh Hải Dương
- Số điện thoại liên lạc: 0222.233.005
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 4/2004 – 10/2004: Nhân viên Ban KTTH Xí nghiệp Sản xuất bê tông – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 11/2004 – 12/2004: Phó Quản đốc phân xưởng Bê tông số 2 Xí nghiệp Sản xuất bê tông – Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2005 – 5/2005: Nhân viên Ban KTTH Xí nghiệp Sản xuất bê tông – Công ty Sông Đà 7;

- ✓ Từ 06/2005 – 7/2005: Phó Ban Quản lý Cơ giới Xí nghiệp Sản xuất bê tông – Công ty Sông Đà 7;
- ✓ Từ 8/2005 – 10/2006: Quản đốc Phân xưởng bê tông tại Sơn La Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ Từ 11/2006 – 12/2007: Trưởng Ban Quản lý Cơ giới Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
- ✓ Từ 01/2008 đến nay: Trưởng Phòng Quản lý Cơ giới Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát kiêm trưởng Phòng Quản lý Cơ giới
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **8.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (*tại thời điểm 31/03/2009*): **3.000** cổ phần
 - ✓ Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền**
Quan hệ: **Vợ**
Số cổ phần nắm giữ: **3.000** cổ phần
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 - Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

11.4. Kế toán trưởng

Ông Ngô Quốc Thế - Kế toán trưởng

- Họ và tên: **Ngô Quốc Thế**
- Giới tính: **Nam**
- Số CMTND: **012172224** Ngày cấp: **10/09/1998** Nơi cấp: **Hà Nội**
- Ngày tháng năm sinh: **03/03/1981**
- Nơi sinh: **Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội**
- Quốc tịch: **Việt Nam**
- Dân tộc: **Kinh**
- Quê quán: **Tràng An, Bình Lục, Hà Nam**
- Địa chỉ thường trú: **Số 41 ngách 455/46 tổ Yên Hà, Đường Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội**
- Số điện thoại liên lạc: **0222.214.005 (043.878.2079)**

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Cử nhân Tin Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 11/2003 – 12/2005: Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán Công ty Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2006 – 07/2006: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 706 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 08/2006 – 12/2007: Trưởng Ban Tài chính – Kế toán Xí nghiệp Sông Đà 7.04 – Công ty Cổ phần Sông Đà 7;
 - ✓ Từ 01/2008 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04;
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần đang nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2009): **5.000** cổ phần
- Số cổ phần do người có liên quan nắm giữ (tại thời điểm 31/03/2009): **7.000** cổ phần
 - ✓ Họ và tên: **Nguyễn Thị Hương**
Quan hệ: **Mẹ**
Số cổ phần nắm giữ: **7.000** cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

12. TÀI SẢN

Tình hình Tài sản cố định đến ngày 31/12/2008

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	31/12/2008			31/03/2009		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Máy móc thiết bị	101.789	44.451	57.338	102.029	50.170	51.859
Phương tiện vận tải	22.260	7.705	14.554	25.437	8.677	16.760
Thiết bị quản lý	121	47	74	140	58	82

Khoản mục	31/12/2008			31/03/2009		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tổng cộng	124.170	52.203	71.966	127.606	58.905	68.701

(Nguồn: BCTC kiểm toán 2008, BCTC quý I năm 2009 của CTCP Sông Đà 7.04)

13. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH, LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

13.1. Định hướng và mục tiêu phát triển của Sông Đà 7.04

Điểm mạnh

Với các hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất hiện đại đang có, Sông Đà 7.04 đã và đang khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng của ngành xây dựng Việt Nam. Đây có thể coi là lợi thế cạnh tranh của Công ty trong thời gian tới. Đặc biệt là trong các năm 2005, 2006 và 2007 Công ty đã đầu tư mới 02 dây chuyền nghiền sàng sản xuất cát xay nhân tạo và đá dăm các loại có công suất lần lượt là 350.000 m³/năm và 650.000 m³/năm phục vụ cho nhu cầu thi công bê tông đầm lăn (RCC) và bê tông thường (CVC) tại thủy điện Sơn La. Hiện tại, Sông Đà 7.04 có đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu cung cấp vật liệu xây dựng cho quá trình thi công xây dựng các công trình thủy điện lớn và các dự án xây dựng khác.

Điểm hạn chế

Bên cạnh những điểm mạnh mà Công ty có được, Sông Đà 7.04 cũng phải thẳng thắn nhìn nhận những mặt hạn chế đang tồn tại. Công ty vừa được thành lập mới, trụ sở Công ty nằm ở vùng sâu vùng xa thuộc diện địa bàn đặc biệt khó khăn, môi trường làm việc chưa thực sự hấp dẫn nên việc thu hút nguồn nhân lực có trình độ, có kinh nghiệm gặp nhiều khó khăn và việc tiếp cận, tiếp thu kiến thức mới, điều kiện học hỏi nâng cao trình độ không được thường xuyên, liên tục.

Cơ hội

Sông Đà 7.04 được giao nhiệm vụ tham gia cung cấp vật liệu xây dựng cho các công trình lớn trọng điểm quốc gia như: thủy điện Tuyên Quang, thủy điện Sơn La, thủy điện Bản Vẽ,... đây chính là những cơ hội để đơn vị củng cố ổn định và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, Tổng Công ty Sông Đà đang triển khai đầu tư một số thủy điện vừa và nhỏ và Sông Đà 7.04 chủ trương xin Tổng công ty Sông Đà làm chủ đầu tư dự án thủy điện Bảo Lâm công suất dự kiến là 20MW tại tỉnh Cao Bằng.

Ngành công nghiệp xây dựng của đất nước đang trong giai đoạn phát triển nhất, các dự án xây dựng, khu công nghiệp, nhà ở,... đang được xây dựng từng ngày. Từ đó, đòi hỏi một khối lượng vật liệu xây dựng lớn để đáp ứng các nhu cầu xây dựng đó. Đây là một cơ hội lớn để Sông Đà 7.04 phát huy thế mạnh truyền thống của mình trong việc sản xuất và cung cấp các loại vật liệu xây dựng chất lượng cao, đáp ứng được các yêu cầu của thị trường xây dựng.

Hiện nay, Công ty đang hoàn tất các thủ tục với Thành Phố Hà Nội và Tỉnh Hòa Bình để làm chủ đầu tư hai dự án khai thác đá tại Đông Xuân – Hà Nội và Lương Sơn – Hòa Bình với tổng diện tích là 69 ha.

Bên cạnh đó Công ty Cổ phần Sông Đà 7 – Công ty mẹ đang thực hiện đầu tư hai dự án khu đô thị với diện tích 200 ha tại Quốc Oai – Hà Nội. Công ty sẽ xem xét, tính toán kỹ lưỡng để xin trở thành nhà đầu tư thứ cấp nhằm mở rộng lĩnh vực kinh doanh và tạo ra nhiều lợi nhuận cho Công ty.

Tham gia sản xuất cung cấp vật liệu tại dự án thủy điện Luangpra Băng tại nước Cộng Hòa Dân Chủ Nhân Dân Lào do Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam và Tổng công ty Sông Đà làm chủ đầu tư.

Thách thức

Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), cùng với sự phát triển nhanh và mạnh của ngành xây dựng trong thời gian gần đây đang mở ra nhiều cơ hội cũng như gây ra không ít thách thức cho Sông Đà 7.04. Bên cạnh sự gia tăng về nhu cầu vật liệu của thị trường xây dựng, thì sự cạnh tranh từ các công ty cùng ngành vật liệu xây dựng trong nền kinh tế đang ngày càng gay gắt. Ngoài sự đòi hỏi ngày càng cao về chất lượng của vật liệu xây dựng đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án mà các chủ đầu tư yêu cầu, các vấn đề về tiến độ sản xuất, công nghệ áp dụng cũng như quản lý các chi phí hiệu quả đang là những thách thức không nhỏ cho Sông Đà 7.04.

Định hướng và mục tiêu phát triển

Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty đến năm 2011 là mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hoá sản phẩm, trong đó ưu tiên phát triển ngành nghề khai thác, sản xuất các loại vật liệu xây dựng là thế mạnh truyền thống của Công ty, để nâng cao vị thế, củng cố thương hiệu và mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cao nhất. Bên cạnh đó chuyển đổi sang ngành nghề kinh doanh xây lắp các công trình thủy lợi, thủy điện, dân dụng, công nghiệp, kinh doanh điện, vận tải và nhà ở khác,...

Sông Đà 7.04 xác định rõ mục tiêu: lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo cho sự phát triển bền vững của Công ty, phát huy tối đa mọi nguồn lực đang có, nâng cao vị thế và sức cạnh tranh, xây dựng thương hiệu Sông Đà 7.04 với các mục tiêu lớn: “Sản xuất công nghiệp – Đầu tư – Kinh doanh

dịch vụ”.

Từng bước xây dựng một đội ngũ cán bộ quản lý năng động, có trình độ cao về chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần trách nhiệm. Bên cạnh đó cũng quan tâm xây dựng một đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề cao, có tác phong công nghiệp đáp ứng được các yêu cầu của công nghệ sản xuất hiện đại trong tương lai.

Các mục tiêu phát triển:

- Phân đầu đạt mức độ tăng trưởng doanh thu bình quân hàng năm từ 5-10%;
- Đảm bảo sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, phát triển nguồn vốn tự có của đơn vị, đảm bảo tỷ lệ cổ tức hàng năm cho các cổ đông của Công ty;
- Phân đầu trở thành một đơn vị mạnh toàn diện, với đa ngành đa nghề, có năng lực cạnh tranh cao trong môi trường kinh tế mới;
- Đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty, từng bước nâng cao cuộc sống vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh;

Một số chỉ tiêu chủ yếu từ năm 2008-2011³

- Tổng giá trị SXKD: 1.415,1 tỷ đồng;
- Doanh thu bán hàng: 1.395,87 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách Nhà nước: 28,10 tỷ đồng;
- Lợi nhuận: 57,84 tỷ đồng;
- Giá trị đầu tư: 150,00 tỷ đồng;
- Lao động bình quân năm: từ 240 đến 300 người;
- Thu nhập bình quân: 4,5 triệu đồng/người/tháng.

Các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

Để thực hiện được các chỉ tiêu và kế hoạch đã đặt ra cho giai đoạn phát triển 2008-2011, Sông Đà 7.04 đã đưa ra các giải pháp cơ bản bao gồm: giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; giải pháp về đầu tư; giải pháp về sắp xếp tổ chức và đổi mới doanh nghiệp; giải pháp về quản lý và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh; giải pháp kế hoạch; giải pháp kinh tế tài chính; giải pháp về thị trường; giải pháp về quản lý vật tư cơ giới và giải pháp về nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong đó có những giải pháp nổi bật sau:

Giải pháp xây dựng và phát triển nguồn nhân lực

³ Nguồn: Định hướng phát triển 10 năm từ 2008 đến 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm 2008 - 2011 của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04.

Để đáp ứng yêu cầu sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp cũng như đáp ứng đủ về số lượng, chất lượng cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, đội ngũ công nhân lành nghề, Công ty cần đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực.

- Lập kế hoạch tuyển dụng và quy hoạch cán bộ, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân theo yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên hàng năm. Thực hiện triệt để công tác sử dụng, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo đúng quy trình, phù hợp với quy chế của Công ty, từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong toàn Công ty.
- Xây dựng chính sách thu hút và gắn bó đội ngũ cán bộ quản lý giỏi và công nhân có tay nghề cao đặc biệt là quan tâm tới chế độ đối với người lao động ở các công trình trọng điểm.

Giải pháp đầu tư

Để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng ổn định và phát triển, thực hiện kế hoạch 4 năm (2008-2011), cùng với việc giữ vững và phát triển ngành nghề truyền thống là sản xuất và cung ứng các loại vật liệu xây dựng. Công ty đang tiếp tục nghiên cứu tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án nâng cao năng lực thiết bị thi công đáp ứng yêu cầu sản xuất. Dự kiến các dự án đầu tư sẽ xúc tiến như sau:

- Các dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công
Để đáp ứng yêu cầu và nâng cao năng lực thi công sản xuất của Công ty, Sông Đà 7.04 đã chủ động nghiên cứu, lập dự án đầu tư các dây chuyền thiết bị nghiền sàng, xe máy để phục vụ thi công các công trình, dự án của Công ty như đầu tư mua sắm xe vận chuyển vữa bê tông tự trộn, xe tải ben phục vụ vận chuyển vật liệu, trạm nghiền sàng đá dăm, cát xay, trạm sản xuất nước lạnh phục vụ thi công bê tông lạnh (CVC) tại thủy điện Sơn La và các dự án thủy điện khác trong tương lai.
- Các dự án đầu tư khai thác vật liệu xây dựng
Xác định được nhu cầu vật liệu xây dựng tại khu vực Hà Nội và vùng lân cận khi Chính phủ quy hoạch vùng thủ đô, Sông Đà 7.04 đã và đang triển khai các thủ tục đầu tư khai thác 02 dự án mỏ đá Bazan làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Đông Xuân, Quốc Oai, Hà Nội và Cur Yên, Lương Sơn, Hoà Bình. Đây là 02 dự án chiến lược của Công ty và trong thời gian tới Công ty sẽ tiếp tục đầu tư lắp đặt hai dây chuyền nghiền đá, cát nhân tạo công suất 250.000 tấn/năm tại đây. Khi 02 dự án này được vận hành khai thác vào cuối năm 2009, đầu năm 2010 sẽ tạo ra sản lượng, doanh thu, lợi nhuận ổn định, bền vững cho nhiều năm tiếp theo đồng thời giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trong Công ty và mang lại hiệu quả sản xuất kinh doanh lâu dài cho Công ty.
- Các dự án đầu tư xây dựng vận hành các công trình thủy điện vừa và nhỏ
Sông Đà 7.04 đang xúc tiến xin Tổng công ty Sông Đà để được làm chủ đầu tư xây dựng và vận hành khai thác dự án thủy điện Bảo Lâm-tĩnh Cao Bằng (Công suất 20MW);

Trong thời gian tới Công ty sẽ triển khai tiếp thị và giới thiệu năng lực thi công của đơn vị để được giao tham gia một phần công việc khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng phục vụ thi công tại thủy điện Lai Châu và các công trình thủy điện tại nước bạn Lào; Tham gia sản xuất, cung cấp vật liệu cho các dự án đô thị mà Công ty mẹ, Tổng công ty Sông Đà đang triển khai thực hiện đầu tư.

Giải pháp kinh tế, tài chính

- Xây dựng, bổ sung và ban hành các quy chế, quy định về quản lý kinh tế, quản lý hợp đồng, quản lý tài chính phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh trên cơ sở các quy định của Nhà nước và của Tổng Công ty.
- Xây dựng, hoàn thiện các định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá tiền lương nội bộ tiên tiến dựa trên các định mức kinh tế, kỹ thuật, đơn giá của Nhà nước và thực tế sản xuất kinh doanh của đơn vị. Trên cơ sở định mức đơn giá nội bộ, lập dự toán chi phí và giao khoán cho các Xí nghiệp, Chi nhánh, Đội, Phân xưởng trực thuộc theo dự toán chi phí thi công.
- Tăng cường công tác quản lý trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai thực hiện triệt để các quy định về phân cấp quản lý tài chính kế toán, kinh tế kế hoạch, quản lý hợp đồng, quản lý kỹ thuật chất lượng sản phẩm, chất lượng vật tư thiết bị theo đúng hệ thống quản lý chất lượng của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch giá thành sản phẩm theo từng công trình, từng phần việc cụ thể và ký hợp đồng giao khoán cho các đơn vị trực thuộc.
- Xây dựng và ban hành các quy chế, quy định thưởng phạt trong công tác hợp đồng kinh tế, quản lý tài chính, vật tư,...
- Đẩy nhanh công tác thu hồi vốn và thu hồi công nợ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh bằng biện pháp sử dụng hiệu quả đồng vốn.
- Tăng cường và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác kinh tế, tài chính bằng các biện pháp như: tuyển dụng, đào tạo tại chỗ hoặc cử đi học.
- Nghiên cứu thị trường tài chính để huy động vốn vào thời điểm phù hợp với kế hoạch đầu tư dài hạn cho các dự án mở rộng sản xuất ngành nghề kinh doanh, các dự án thủy điện và nhà ở.....

Giải pháp về thị trường

Để phát triển bền vững và ổn định, trong chiến lược kinh doanh, Sông Đà 7.04 dự kiến: ngoài các ngành nghề kinh doanh truyền thống của Công ty là khai thác và sản xuất các loại vật liệu xây dựng, Sông Đà 7.04 sẽ từng bước bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh khác. Nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác thị trường, Công ty dự kiến trong năm 2010 sẽ chuyển trụ sở về Hà Nội và thành lập thêm các chi nhánh, Xí nghiệp tại các công trình trọng điểm như thủy điện Lai Châu tại tỉnh Lai châu, thủy điện Bảo Lâm tại tỉnh Cao Bằng, thủy điện Luangpra băng tại nước bạn Lào....

Khi mở rộng địa bàn hoạt động và quy mô sản xuất kinh doanh thì một vấn đề hết sức bức thiết

đặt ra là phải tiếp thị, tìm kiếm thị trường tiêu thụ các sản phẩm vật liệu xây dựng của Công ty. Trong môi trường kinh doanh hiện nay, chất lượng, tiến độ sản xuất và tiến độ giao hàng cho các khách hàng là thước đo cho sự thành công của đơn vị. Muốn có chỗ đứng vững chắc trên thị trường điều quan trọng nhất là phải tự khẳng định mình, tạo lập niềm tin với các khách hàng. Vì vậy, giải pháp thị trường hiện nay mà Công ty đã, đang và sẽ áp dụng là nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản xuất sản phẩm và đẩy nhanh tiến độ sản xuất và giao hàng đúng hẹn. Các sản phẩm của Công ty sẽ cung cấp cho các công trình trọng điểm Công ty trực tiếp tham gia phục vụ và cung cấp cho thị trường Hà Nội, Hòa Bình với các dự án khu đô thị Tiến Xuân 1400 ha của SUDICO, khu đô thị tại Quốc Oai của Công ty Cổ phần Sông Đà 7 và một số dự án khác tại địa bàn.

13.2. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
			Giá trị	+-%/2009	Giá trị	+-%/2010
1	Vốn điều lệ	60.000	60.000	0%	60.000	0%
2	Doanh thu thuần	318.860	325.524	2,1%	336.704	3,4%
3	Lợi nhuận sau thuế	14.176	14.701	3,7%	15.868	7,9%
4	LNST/Doanh thu thuần	4,4%	4,5%	0,1%	4,7%	0,2%
5	LNST/Bình quân Vốn điều lệ	28,4%	24,5%	-3,9%	26,5%	2,0%
6	Tỷ lệ trả cổ tức	18%	18% - 20%	0%-2%	18% - 20%	-

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

ĐHĐCĐ của Công ty họp vào ngày 20/02/2009 đã thông qua Nghị quyết số 02 NQ/CT-ĐHĐCĐ-2009, trong đó có kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty từ 40 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng. Theo đó, ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT thực hiện đợt chào bán riêng lẻ (*chào bán cho dưới 100 nhà đầu tư*) 2 triệu cổ phần cho các nhà đầu tư lớn với mức giá do HĐQT quyết định vào thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần.

13.3. Căn cứ đặt kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009⁴

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Sông Đà 7.04 năm 2009 là tiếp tục sản xuất vật liệu đáp ứng nhu cầu xây lắp của các công trình trọng điểm như công trình thủy điện Sơn La, thủy điện Bản Vẽ và tiếp tục thu phần giá trị khối lượng dở dang còn lại tại công trình thủy điện Tuyên Quang. Trong đó, cụ thể các chỉ tiêu, khối lượng, tiến độ tại các dự án để nhằm đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức đã đề ra cho năm 2009 gồm:

- Mục tiêu tiến độ, khối lượng thi công tại thủy điện Sơn La của Sông Đà 7.04 là sản xuất và trữ cốt liệu phục vụ cho công tác thi công bê tông đầm lăn (RCC) hơn 780.000 m³ đá dăm cỡ hạt từ 5-50mm; hơn 380.000 m³ cát xay nhân tạo; cung cấp gần 874.000 m³ cốt liệu các loại cho thi công bê tông đầm lăn (trong đó: cát xay 472.000 m³; đá dăm cỡ hạt từ 5-50mm là 402.000 m³), ước tính mang lại khoảng 139 tỷ đồng doanh thu và hơn 6,2 tỷ đồng lợi nhuận;
- Sản xuất và vận chuyển gần 245.000 m³ vữa bê tông thương phẩm (bê tông thương - CVC) phục vụ thi công các hạng mục quan trọng tại thủy điện Sơn La như: Tuyến năng lượng-Cửa lấy nước, Đập tràn, Nhà máy thủy điện-Tổ máy số 4,5,6 và các hạng mục khác. Nhằm đảm bảo các mục tiêu tiến độ, khối lượng theo kế hoạch của Chủ đầu tư - Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) đã đặt ra, đáp ứng mục tiêu tiến độ tích nước hồ Sơn La và phát điện tổ máy số 1 vào cuối năm 2010 đã được Chính phủ phê duyệt. Theo đó, trong năm 2009 hoạt động này sẽ mang lại cho Công ty khoảng 159 tỷ đồng doanh thu, tương ứng với mức lợi nhuận xấp xỉ 7,2 tỷ đồng.
- Sản xuất và cung cấp gần 60.000 m³ vữa bê tông đầm lăn (RCC) có làm lạnh phục vụ thi công hạng mục: Đập dâng nước tại công trình thủy điện Bản Vẽ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Đảm bảo các mục tiêu tiến độ, khối lượng theo kế hoạch của Chủ đầu tư - Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) đã đặt ra. Với sản lượng như vậy, ước tính trong năm 2009 Công ty sẽ thu được khoảng 30 tỷ đồng doanh thu và trên 1,3 tỷ đồng lợi nhuận.

Dự kiến trong các năm tiếp theo, với kế hoạch sản xuất kinh doanh là mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh với đa ngành đa nghề, trong đó ưu tiên mở rộng và phát triển ngành sản xuất vật liệu xây dựng là thế mạnh truyền thống của đơn vị. Sông Đà 7.04 dự báo các hợp đồng cung cấp vật liệu xây dựng cho các khách hàng tại các công trình thủy điện lớn và tại khu vực Hà Nội và vùng lân cận, bao gồm:

- Cung cấp đá dăm các cỡ hạt và cát xay nhân tạo cho các nhà thầu thi công bê tông tại công trình thủy điện Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

⁴ Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2009 được đưa chủ yếu dựa trên các hợp đồng cung cấp lớn Công ty đã ký kết với các khách hàng (đề cập trong mục 6.8 - các hợp đồng lớn đang thực hiện hoặc đã ký kết - của Bản cáo bạch này).

- Cung cấp vữa bê tông đầm lăn có làm lạnh cho các nhà thầu thi công bê tông đầm lăn (RCC) tại công trình thủy điện Bản Vẽ, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An;
- Cung cấp khoảng 568.000 m³/năm đá dăm các cỡ hạt cho các dự án tại khu vực Hà Nội và vùng lân cận phục vụ đáp ứng nhu cầu xây dựng: xây dựng dân dụng, khu công nghiệp, giao thông,...;
- Cung cấp vữa bê tông thương phẩm và các cấu kiện bê tông đúc sẵn cho các khách hàng tại khu vực Hà Nội và vùng lân cận phục vụ cho các nhu cầu xây dựng: xây dựng dân dụng, khu công nghiệp, giao thông,...

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục nghiên cứu thị trường tài chính, các dự án đầu tư hiệu quả để tham gia góp vốn đầu tư hoặc trực tiếp đầu tư nhằm tạo thêm nguồn lợi cho Công ty đồng thời mở thêm một lĩnh vực mới tạo ra thu nhập ổn định trong tương lai.

14. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN - CỔ TỨC

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long xin đưa ra đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 trong giai đoạn 2009 - 2011 dựa trên cơ sở thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính hiện nay của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04. Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức dự kiến của Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 trong giai đoạn 2009 - 2011 là phù hợp và khả thi nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

15. THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN VỀ NHỮNG CAM KẾT CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

Không có

16. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN

Không có

V. CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

1. TÊN CỔ PHIẾU

Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04

2. LOẠI CHỨNG KHOÁN

Cổ phần phổ thông

3. MỆNH GIÁ

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần

4. TỔNG SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

4.000.000 (Bốn triệu) cổ phần

5. TỔNG GIÁ TRỊ NIÊM YẾT THEO MỆNH GIÁ

40.000.000.000 (Bốn mươi tỷ) đồng

6. SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VÀ CỦA CÔNG TY

6.1. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 5, Điều 84 Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH-11, cổ đông sáng lập của Công ty bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần đang sở hữu trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được đăng ký kinh doanh lần đầu.

Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 26 tháng 12 năm 2007 với mức vốn điều lệ là 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng. Trong đó, cổ đông sáng lập nắm giữ **2.410.000 (Hai triệu bốn trăm mười nghìn)** cổ phần của Công ty.

Số lượng cổ phần của cổ đông sáng lập

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 7	2.400.000	60%
2	Nguyễn Thông Hoa	5.000	0,125%
3	Nguyễn Hữu Doanh	5.000	0,125%

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ nắm giữ (%)
	TỔNG CỘNG	2.410.000	60,250%

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

Như vậy, tổng số cổ phần **2.410.000** (Hai triệu bốn trăm mười nghìn) cổ phần thuộc sở hữu của cổ đông sáng lập sẽ bị hạn chế chuyển nhượng đến hết ngày 26/12/2010.

6.2. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần đối với thành viên HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

Căn cứ theo Điều 9, khoản d, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ban hành ngày 19/01/2007, cổ đông là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Sông Đà 7 do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.

Như vậy số cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân mà các thành viên trên nắm giữ sẽ bị hạn chế chuyển nhượng. Số lượng cổ phiếu và thời gian hạn chế chuyển nhượng cụ thể như sau:

Số lượng cổ phần của cổ đông là thành viên HĐQT, BGD, BKS, KTT

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Số lượng cổ phần hạn chế	
				06 tháng kể từ ngày niêm yết	06 tháng tiếp theo
1.	Nguyễn Khắc Tiến	Chủ tịch HĐQT	5.000	5.000	2.500
2.	Nguyễn Thông Hoa ⁵	Thành viên HĐQT	5.000	5.000	2.500
3.	Nguyễn Hữu Doanh ⁶	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	5.000	5.000	2.500
4.	Nguyễn Văn Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	5.000	5.000	2.500
5.	Nguyễn Xuân Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	8.000	8.000	4.000

⁵ Ông Nguyễn Thông Hoa đồng thời là cổ đông sáng lập của Công ty;

⁶ Ông Nguyễn Hữu Doanh đồng thời là cổ đông sáng lập của Công ty.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần đang nắm giữ	Số lượng cổ phần hạn chế	
				06 tháng kể từ ngày niêm yết	06 tháng tiếp theo
6.	Phạm Đình Hùng	Phó Giám đốc	7.000	7.000	3.500
7.	Nguyễn Tuấn Anh	Trưởng BKS	5.000	5.000	2.500
8.	Trần Văn Tài	Thành viên BKS	8.000	8.000	4.000
9.	Nguyễn Anh Lam	Thành viên BKS	8.000	8.000	4.000
10.	Ngô Quốc Thế	Kế toán trưởng	5.000	5.000	2.500
Tổng cộng			61.000	61.000	30.500

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

7. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ

Giá trị sổ sách của cổ phần

Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu của Công ty

- Tại thời điểm 31/12/2008

Nguồn Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ khác

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách 1 CP} &= \frac{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}{4.000.000} \\ &= \frac{53.094.785.060 - 0}{4.000.000} \approx 13.274 \text{ đồng / CP} \end{aligned}$$

- Tại thời điểm 31/03/2009

Nguồn Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và các quỹ khác

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách 1 CP} &= \frac{\text{Số cổ phần đã phát hành – Cổ phiếu quỹ}}{4.000.000} \\ &= \frac{49.802.080.071 - 0}{4.000.000} \approx 12.450 \text{ đồng / CP} \end{aligned}$$

8. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04 không quy định về giới hạn về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài đối với cổ phần của Công ty.

Tuy nhiên, sau khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài sẽ tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam và Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg. Theo đó, tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký niêm yết của một tổ chức đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán. Tại ngày 31/03/2009, tỷ lệ sở hữu của bên nước ngoài trong Vốn điều lệ của Công ty là 0%.

9. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Căn cứ luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư, Công ty được hưởng những ưu đãi đối với thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty chịu thuế suất 10%, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Sau thời hạn được áp dụng mức thuế suất ưu đãi như trên, Công ty phải đóng thuế đầy đủ theo như quy định của pháp luật.

Các loại thuế và mức thuế suất khác hiện đang áp dụng tại Sông Đà 7.04 như sau:

STT	Loại thuế	Thuế suất	Thời hạn áp dụng
1.	Giá trị gia tăng	5%, 10%	-
2.	Nhà thầu nước ngoài	Theo tỷ lệ quy định	-
3.	Môn bài	3.000.000 đ/năm	-

(Nguồn: CTCP Sông Đà 7.04)

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIM LONG

Trụ sở chính: 22 Thành Công, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3772 6868

Fax: (84-4) 3772 6131

Website: www.kls.vn

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013382 ngày 01/08/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 18/UBCK – GPHĐKD ngày 6/10/2006 do UBCKNN cấp. Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán bổ sung số 281/QĐ -UBCK ngày 27/04/2007 do UBCKNN cấp.

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)

Trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3824 1990

Fax: (84-4) 3825 3973

Website: www.aasc.com.vn/

VII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Giấy đăng ký niêm yết;
3. Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02NQ/CT-ĐHĐCĐ ngày 20/02/2009;
4. Điều lệ Công ty;
5. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, BCTC quý I năm 2009;
6. Hồ sơ tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp;
7. Biên bản bàn giao tài chính của Xí nghiệp Sông Đà 7.04;
8. Cam kết nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT, BKS, BGD và Kế toán trưởng; Danh sách người có liên quan của HĐQT, BKS, BGD và Kế toán trưởng;

9. Giấy ủy quyền công bố thông tin, Quy trình công bố thông tin nội bộ;
10. Quy chế quản trị Công ty;
11. Sơ yếu lý lịch của thành viên HĐQT, BKS, BGD và Kế toán trưởng;
12. Danh sách cổ đông tại ngày 31/03/2009;